



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

ANNUAL REPORT



30 năm

CẢNG ĐỒNG NAI
phụng sự và phát triển

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI
DONG NAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Điện thoại: 0251 3832225 - 3834192/93/94/95/96/97/98 Fax: 0251 3831259
Email: info@dongnaiport.com.vn Website: www.dongnai-port.com
Tụ sở: 1B-D3 KP. Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

www.dongnai-port.com

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI - PDN



MỤC LỤC

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính kinh tế
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban TGD về ý kiến của kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
Kế hoạch, định hướng của HĐQT
Tăng cường hiệu quả trong hoạt động HĐQT

PHẦN V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát

DONG NAI PORT

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ KIỂM TOÁN

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và các bên hữu quan!



Năm 2019, Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng vững chắc, đạt kết quả ấn tượng và thể hiện khả năng chống chịu tốt trong bối cảnh toàn cầu gặp khó khăn. Tăng trưởng GDP được duy trì cao với mức xuất khẩu tăng 8% trong năm 2019 - cao hơn gần 4 lần so với bình quân trên thế giới. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tiếp tục tác động mạnh mẽ, không ngừng tạo ra nhiều thay đổi lớn trong nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng lớn đến năng lực tồn tại và phát triển của từng doanh nghiệp.

Nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới phải đối diện với nhiều thách thức nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội. Trong xu hướng chung, Việt Nam cũng đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững, chú trọng đến việc cân bằng các yếu tố xã hội, kinh tế, môi trường. Trong đó, Doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng và tích cực từ việc hiện thực hóa các mục tiêu quốc gia, đóng góp vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng bền vững.

Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, PDN ngày nay được đánh giá là một trong những doanh nghiệp phát triển nhanh và vững chắc trong ngành Khai thác cảng và Logistics. Để đạt được sự phát triển vững bền, PDN xác định luôn cần phải thay đổi tích cực để trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành.

Song hành cùng hoạt động kinh doanh, PDN không ngừng tập trung xây dựng một tổ chức mà trong đó mỗi thành viên đều cảm thấy hài lòng trong công việc, tạo điều kiện và thúc đẩy sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống; đẩy mạnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; đề cao tính tuân thủ để đạt được những mục tiêu phát triển bền vững thay vì những lợi ích trong ngắn hạn, cùng hướng đến một môi trường làm việc chuyên nghiệp hơn, năng động hơn, hiệu quả và tốt đẹp hơn. Với mục tiêu trở thành một doanh nghiệp tiêu biểu về Khai thác Cảng và Logistics, PDN tiếp tục thực hiện sứ mệnh cao cả góp phần thúc đẩy dòng chảy kinh tế, tạo ra giá trị gia tăng cho đất nước, cho doanh nghiệp và đối tác thông qua chuỗi dịch vụ, giải pháp vượt trội và mạng lưới không ngừng được kiến tạo, hoàn thiện tại các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước.

PDN đã không thể phát triển bền vững nếu không có được sự ủng hộ từ Khách hàng. Vì vậy, PDN luôn nỗ lực trong mọi hoạt động nhằm mang đến sự hài lòng cho Khách hàng, đồng thời đẩy mạnh việc trao đổi, tiếp thu ý kiến từ khách hàng để luôn cải tiến và xây dựng một chiến lược cùng phát triển lâu dài.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của Quý vị đã, đang và sẽ dành cho PDN suốt hành trình phát triển. Xin kính chúc tất cả khách hàng, đối tác, Quý vị cổ đông và các bên hữu quan cùng gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG
ĐÔNG NAI
TP. BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
M.S.D.N: 36003341
TRẦN THANH HẢI



TẦM NHÌN

Hướng tới sản lượng 20 triệu tấn xếp dỡ năm 2020

SỨ MỆNH

Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng, lợi ích bền vững cho nhà đầu tư.

Hoạt động hiệu quả, an toàn, môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.

PDN nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai theo hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Trách nhiệm – Hợp tác – Hành động – Ảnh hưởng tích cực – Đạt mục tiêu

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

BA THẬP KỶ
KIẾN TẠO & PHÁT TRIỂN

30

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Khởi nghiệp vào năm 1989, mang trên mình sứ mệnh luân chuyển hàng hóa đến các tỉnh thành trong nước và góp phần vào công cuộc xây dựng nền kinh tế quốc gia còn non trẻ. Bước chuyển mình đầu tiên của Công ty được ghi nhận vào năm 2005, khi PDN chuyển sang cổ phần hóa. Mốc son kế tiếp được đánh dấu bằng việc cổ phiếu PDN chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM vào năm 2011.

Trải qua hành trình ba thập kỷ kiến tạo và phát triển, vượt lên mọi thăng trầm của nền kinh tế và sóng gió của cơ chế thị trường, PDN vẫn kiên định vững vàng một niềm tin và tự hào trở thành doanh nghiệp tiên phong trong tỉnh. Tọa lạc tại vị trí huyết mạch của nhiều tỉnh thành, ngày nay thương hiệu PDN đã và đang phát triển mạnh gắn liền với mạng lưới Khai thác cảng và Logistics trong cả nước.

Trong lĩnh vực khai thác cảng, PDN là công ty niêm yết sở hữu và khai thác hệ thống cảng gồm 2 khu vực Gò Dầu và Long Bình Tân, đáp ứng tốt nhu cầu trung chuyển hàng hóa từ/ đến hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp lân cận, và đặc biệt PDN luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các hãng tàu lớn trên thế giới.

Năm 2020 PDN bước sang tuổi 31, đây cũng là thời khắc mở ra nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam khi các hiệp định thương mại quan trọng (EVFTA, CPTPP...) đi vào thực thi. PDN vững tin và sẵn sàng tâm thế để vượt qua khó khăn, đón đầu các cơ hội tăng trưởng đột phá nhằm mang lại lợi ích và các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, khách hàng, đối tác, cổ đông và các bên hữu quan, chung sức thúc đẩy dòng chảy kinh tế đất nước.

- ☞ Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- ☞ Mã cổ phiếu: PDN
- ☞ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 14 tháng 08 năm 2019)
- ☞ Vốn điều lệ: **185.219.540.000** đồng
- ☞ Địa chỉ: 1B-D3 Khu Phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- ☞ Số điện thoại: 0251.3832225
- ☞ Fax: 0251.3831259
- ☞ Email: info@dongnaiport.com.vn
- ☞ Website: www.dongnai-port.com
- ☞ Logo:





NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG
TRONG LỊCH SỬ PDN



06/06/1989

UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Xi nghiệp Cảng Đồng Nai. Nguồn kinh phí hoạt động ban đầu từ thuế phải nộp của các doanh nghiệp ngành Giao thông Vận tải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được để lại. Khoản vốn này không được nhận một lần mà nhận từng ngày theo kết quả kinh doanh của các đơn vị.

1990

+ Lần đầu tiên Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp 500 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư vào Cảng Đồng Nai, dùng để bồi đắp cho khu Long Bình Tân.

+ **3/2/1990**: Khởi công xây dựng 60m cầu Cảng 2.000DWT đầu tiên của hệ thống Cảng Đồng Nai.

1991

Xây dựng 3 gian văn phòng cảng đầu tiên sau 2 năm phải làm việc nhờ văn phòng của Sở Giao thông Vận tải, mở rộng một phần bãi với kinh phí hạn hẹp.



1992

Lần đầu tiên tàu DN 02 cập Cảng Đồng Nai, đánh dấu sự phát triển của hệ thống vận tải thủy tỉnh Đồng Nai.

1993

+ Chỉ bộ Cảng Đồng Nai chính thức thành lập với 04 Đảng viên.

+ Cảng Đồng Nai nhận quyết định quản lý khu đất của doanh nghiệp Donavik tại xã Phước Thái, huyện Long Thành để thành lập Cảng Gò Dầu Khu A.

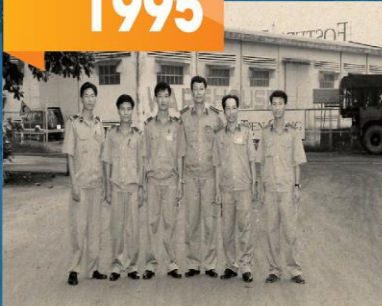
1994

+ **08/1994**: Cảng chính thức ký với Công ty UIC vay 150 ngàn USD để xây dựng 30m cầu cảng 5.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu A.

+ **27/10/1994**: Ký kết với Công ty liên doanh VT-Gas thuê bãi 20 năm trả trước 10 năm lấy vốn đầu tư bãi khu vực Long Bình Tân và đền bù cho khu vực Cảng Gò Dầu.



1995



- + **28/6/1995:** UBND tỉnh quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Đồng Nai theo Nghị định 388-HĐBT ngày 20/11/1991.
- + Khánh thành kho hàng 15.000 m² đầu tiên của Cảng Đồng Nai.
- + Khởi công xây dựng 1,2km đường vào Cảng Gò Dầu Khu A bằng nguồn vốn của tỉnh Đồng Nai vay Công ty TNHH Vedan, sau đó các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Gò Dầu góp vốn hoàn trả (Cảng Đồng Nai góp nhiều nhất).
- + Cảng Đồng Nai nhận và triển khai công tác bồi thường Cảng Gò Dầu Khu B.



1996

- + Khởi động Dự án nghiên cứu cải tạo đoạn công luồng vào Cảng Gò Dầu tạo điều kiện xây cầu 15.000 DWT.
- + Bắt đầu đàm phán với Tập đoàn Shell VN để nhận ứng vốn 1 triệu USD để đầu tư xây dựng cầu cảng và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu Khu B.



1999

- + Chuyển tàu đầu tiên cập Cảng Gò Dầu B2.
- + **4/1999:** Khánh thành 120m cầu cảng Gò Dầu B2

2001

Khởi công xây dựng văn phòng Cảng Đồng Nai

1997

- + **03/1997:** Ký hợp đồng khởi công xây dựng 60m cầu B1 phân đoạn cầu cảng 15.000DWT và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu Khu B trong thời gian vừa làm thủ tục vừa xây dựng là 18 tháng.

1998

- + Đàm phán với nhà đầu tư Công ty Phân bón Việt Nhật JVF để nhận ứng vốn 1,5 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng 12.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B.
- + Lần đầu tiên đón tàu quốc tế tại bến B1 Cảng Gò Dầu Khu B

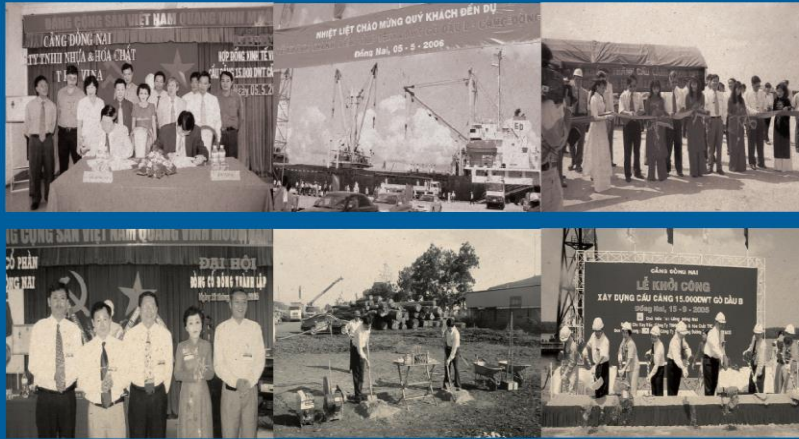
2002

Khánh thành văn phòng Cảng Đồng Nai tại Long Bình Tân, ghi dấu một bước chuyển mình mạnh mẽ về thế và lực của Cảng Đồng Nai trong mắt của nhà đầu tư, bạn hàng trong nước và quốc tế.

2003

Khánh thành cầu cảng K2 5.000DWT





2005

+ 05/05/2005: Ký kết hợp đồng với Công ty TPC Vina vay vốn 1.5 triệu USD xây dựng cầu cảng B3 tại Cảng Gò Dầu Khu B để đón tàu 15.000DWT.

+ 19/12/2005: Cảng Đồng Nai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

2006

+ Tháng 01/2006: Cảng Đồng Nai chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu, vốn điều lệ đăng ký 49.000.000.000 đồng.

+ 05/05/2006: Khánh thành cầu cảng B3 tại Cảng Gò Dầu Khu B với tổng chiều dài 105m, tiếp nhận tàu có trọng tải đến 15.000DWT.

2007

+ Phát hành cổ phiếu, thu hút được 40 tỷ, tiếp tục đầu tư mở rộng Cảng.

+ 25/05/2007: Khánh thành bến tàu container A3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu A với tổng chiều dài 110m, tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000DWT.

2008

Tháng 10/2008: Khánh thành cầu A3, mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống cầu cảng Gò Dầu Khu A cho tàu 10.000DWT.

2009

Xây dựng Cảng container 5.000DWT tại Long Bình Tân và mua 2 cầu Liebherr để tác nghiệp hàng hóa.

2010

03/02/2010: Khánh thành hệ thống cầu cảng container Long Bình Tân.



2011

+ **10/2011:** Hoàn thành tuyến đường vào Cảng container Long Bình Tân.

+ **26/10/2011:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE.

2012

Sản lượng container đạt mốc 100.000TEU sau 01 năm đưa vào khai thác.

2013

+ Hệ thống kho CFS được chính thức đưa vào hoạt động.

+ Khởi công 100m dài cầu cảng 3.000DWT tại khu vực Long Bình Tân.

2014

+ Khởi công xây dựng cầu cảng 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu.

+ Kho ngoại quan được cấp phép hoạt động.



2015

+ Đưa vào hoạt động bến 3.000DWT và kho 5.000m² tại Cảng Long Bình Tân.

+ Đưa vào khai thác 9,3ha bãi tại Cảng Gò Dầu.

+ **Tháng 09/2015:** Khánh thành và đưa vào hoạt động bến tàu 30.000DWT tại

Cảng Gò Dầu Khu B.

2016

+ Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2016 - 2020).

+ Đầu tư thiết bị cầu Macgregor tải trọng 40T, tầm với 36m và các thiết bị kèm theo tại khu vực Cảng Gò Dầu.

+ Triển khai thi công 7 ha bãi tại khu Cảng Gò Dầu.

+ Đưa vào khai thác 2,5 ha bãi tại khu vực Cảng Long Bình Tân.

2017

+ Đầu tư và đưa vào sử dụng ngân sách chụp bán tự động, đẩy nhanh tiến độ tác nghiệp và mang lại hiệu quả tích cực cho hoạt động khai thác dịch vụ container tại Cảng Long Bình Tân.

+ Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương cho phép cầu cảng A3 và B3 tiếp nhận tàu có tải trọng 30.000DWT.

2018

+ **Ngày 16/1/2018:** Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai tổ chức Lễ công bố Quyết định thành lập Đội Nghiệp vụ 2 thuộc Chi cục Hải quan Biên Hòa có trụ sở đặt tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

+ Đầu tư bến tàu 5.000DWT nối cầu cảng K1 - K2, bãi 3.000m², triển khai công trình mương thoát nước chung.

+ Nâng cấp bến tàu B3 từ 15.000 DWT lên 30.000 DWT, đầu tư các trang thiết bị kèm theo tại Cảng Gò Dầu để đưa vào khai thác từ tháng 12/2018.

+ **Tháng 11/2018:** Khởi công công trình mở rộng 50m nối liền cầu cảng số 2 và cầu cảng số 3 tại cảng Long Bình Tân.

2019

+ Tiếp tục hoàn thiện thủ tục công bố bến tàu A3 (30.000DWT giảm tải) và bến tàu B3 (30.000DWT giảm tải) đưa vào khai thác chính thức kể từ đầu năm.

+ Đầu tư mở rộng bãi và hoàn thành việc mở rộng thêm 50m cầu tàu tại Cảng Long Bình Tân



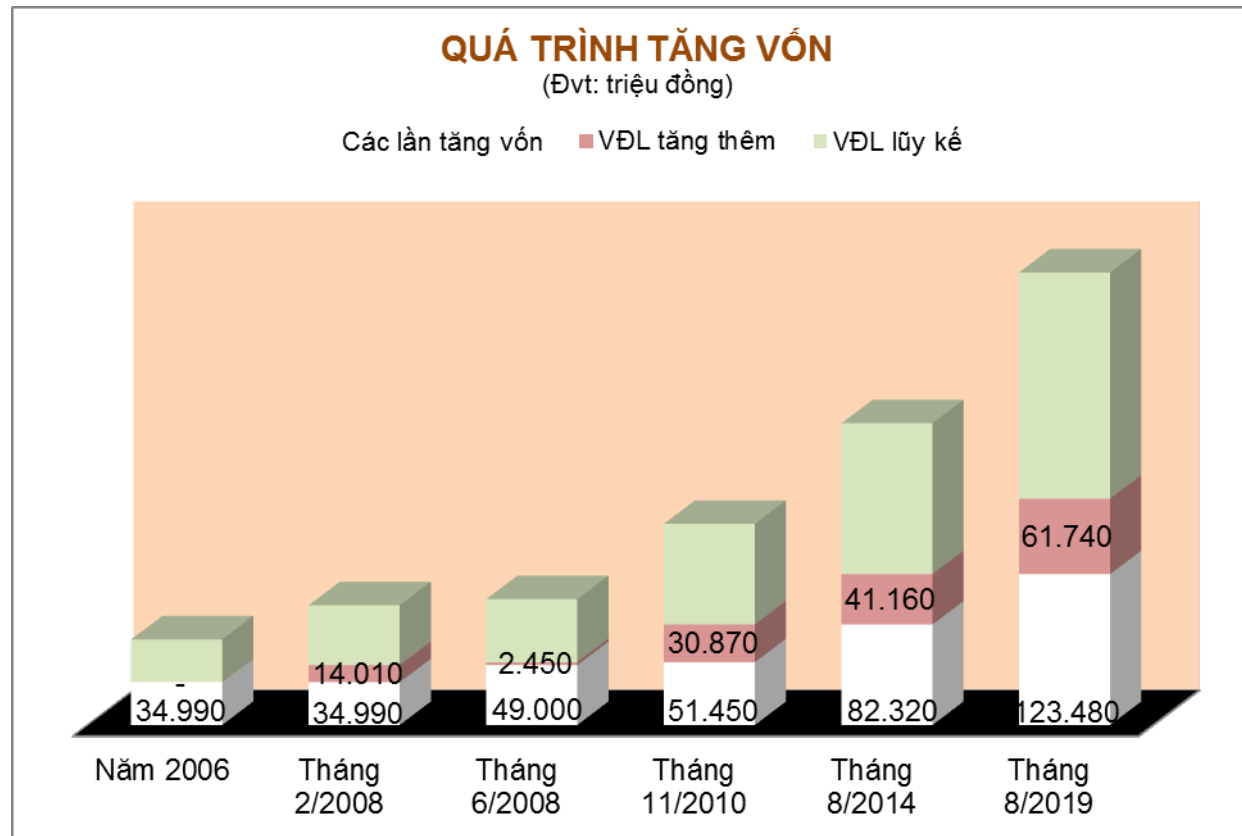
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- ☞ Dịch vụ kho bãi
- ☞ Dịch vụ ICD, xếp dỡ, kiểm đếm, đóng rút, lưu trữ, giao nhận hàng hóa
- ☞ Dịch vụ giao nhận door to door nội địa
- ☞ Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan
- ☞ Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy bộ, vận tải đa phương thức
- ☞ Dịch vụ sửa chữa khác

Địa bàn kinh doanh

- ☞ PDN đang cung cấp các dịch vụ cho khách hàng chủ yếu tại khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP.HCM, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương

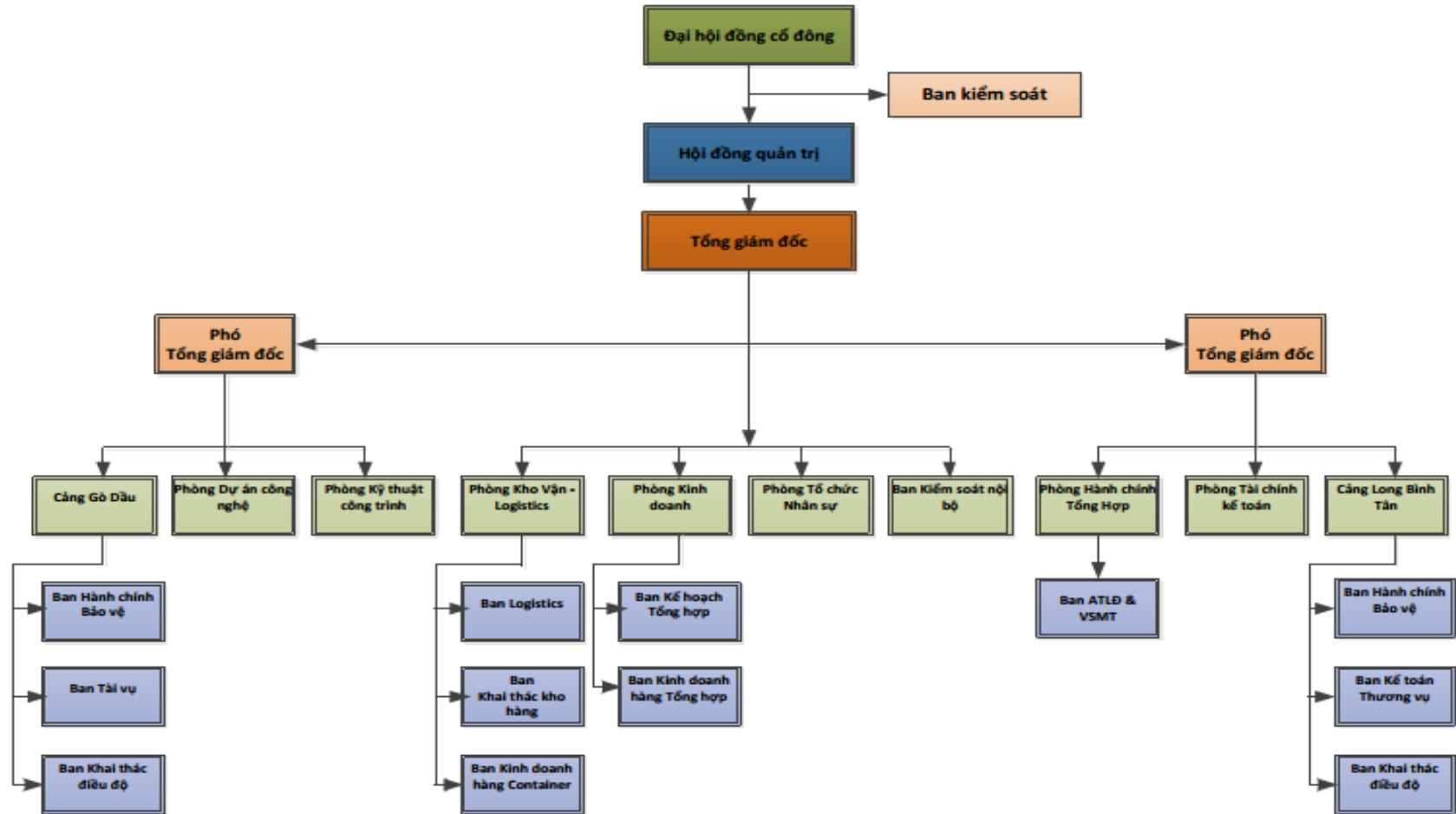


3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ngày 23/04/2019 và ban hành sửa đổi bổ sung ngày 05/08/2019. PDN có cơ cấu tổ chức như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP CẢNG ĐỒNG NAI

Cập nhật đến 31 tháng 12 năm 2019



Các Công ty con, Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ vốn góp của PDN
1	Công ty CP Cảng Long Thành. Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa	9.157.000.000	30%
2	Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai. Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, xăng dầu, vận tải...	30.000.000.000	45%

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Kế hoạch kinh doanh 2020 & Định hướng đến 2025

Nền kinh tế đang có những chuyển biến rất đáng chú ý, nhanh và vô cùng đa dạng. PDN - với nền tảng đã được kiến tạo vững chắc cùng sự thay đổi mạnh mẽ từ chính bên trong nội tại công ty, đã đặt ra kế hoạch kinh doanh 2020, định hướng đến 2025 bao gồm những nội dung sau:

a) Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Năm 2020 là năm tăng tốc để về đích trong hành trình nhiệm kỳ 5 năm của HĐQT giai đoạn 2016-2020. Để đạt được những mục tiêu đã đề ra, PDN xác định sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- ☞ Hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCD phê duyệt;
- ☞ Tiếp tục đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi là Khai thác cảng và Logistics;
- ☞ Phát triển và ổn định sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng tại hai khu vực Cảng Gò Dầu và Cảng Long Bình Tân;
- ☞ Tập trung mọi nguồn lực, đảm bảo tiến độ xây dựng và sớm đưa vào khai thác các bến tàu đang được đầu tư nâng công suất tại Cảng Gò Dầu và Long Bình Tân;
- ☞ Đầu tư trang thiết bị, tài sản; cải tạo nâng cấp mặt bằng bến bãi để nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ của các đơn vị trong toàn cảng;
- ☞ Khai thác hiệu quả nguồn lực từ sự hợp tác với các đối tác trong tất cả các lĩnh vực;
- ☞ Tối ưu hóa bộ máy quản trị và tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực PDN.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để phát triển bền vững và trường tồn, Ban Lãnh đạo PDN định hướng sẽ cùng xây dựng chiến lược hướng đến năm 2025 đảm bảo cân bằng 4 nhóm chỉ tiêu sau:

1- Về chỉ tiêu tài chính

- ☞ Tăng trưởng mạnh doanh thu;
- ☞ Tối đa hoá lợi nhuận, hiệu suất đầu tư, tài sản và dòng tiền.

2- Về chỉ tiêu khách hàng

- ☞ Phát triển số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ chuỗi, kết nối toàn diện chuỗi dịch vụ nội bộ;
- ☞ Tăng giá trị và nhận diện thương hiệu PDN trên thị trường;
- ☞ Phát triển mạng lưới dịch vụ rộng khắp trong và ngoài nước.

3- Về quy trình:

- ☞ Tối ưu hoá hệ thống quản trị, công nghệ, vận hành xuất sắc và có khả năng nhân bản;
- ☞ Tối ưu hoá sự hợp lực giữa các đơn vị thành viên và đối tác;
- ☞ Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, đầu tư.

4- Về học hỏi và phát triển:

- ☞ Phát triển nhóm Chuyên viên kiểm soát nội bộ, Chuyên viên trong ngành khai thác cảng và Logistics;
- ☞ Phát triển đội ngũ kế thừa xứng đáng;
- ☞ Phát triển môi trường văn hoá làm việc chuyên nghiệp và đáng tự hào.

5. CÁC RỦI RO

Hệ thống quản trị rủi ro

Để bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định, bảo vệ, quản lý sử dụng tài sản, nguồn lực hiệu quả, đồng thời bảo đảm các thông tin báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời, tuân thủ pháp luật và quy chế, quy trình, quy định nội bộ, PDN đã thiết lập và duy trì Hệ thống kiểm soát quản trị rủi ro (QTRR) trong toàn Công ty nhằm cảnh báo, giảm thiểu rủi ro, kịp thời ngăn ngừa, hạn chế tổn thất, chuyển nguy cơ thành cơ hội.

Hệ thống QTRR Công ty được thiết lập, xây dựng dựa trên nền tảng QTRR gồm 3 tầng bảo vệ độc lập và kiểm soát lẫn nhau, bao gồm:

Bước 1: được thực hiện tại các bộ phận sản xuất kinh doanh (SXKD). Đơn vị có trách nhiệm nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro phát sinh hàng ngày trong quá trình vận hành, báo cáo kịp thời, đầy đủ khi phát hiện các rủi ro phát sinh. Định kỳ bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách, các quy trình, quy định nội bộ nhằm kiểm soát, phòng ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro để đạt được các mục tiêu đề ra.

Bước 2: được tổ chức tại các phòng ban chức năng bao gồm khối QTRR và các phòng ban Quản trị tập trung công ty. Các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm xây dựng quy chế, chính sách quản trị tập trung theo từng lĩnh vực (hành chính, nhân sự, công nghệ, kế toán tài chính, mua sắm, quản lý rủi ro) nhằm quản lý, kiểm tra giám sát, đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật và quy định của công ty, đo lường khắc phục lỗi sau kiểm tra.

Bước 3: được thực hiện thông qua các chương trình kiểm soát nội bộ. Kế hoạch kiểm soát hàng năm được xây dựng dựa trên danh

sách các rủi ro trọng yếu đã được xác định trên cơ sở mục tiêu kế hoạch SXKD của các đơn vị trong năm. Hệ thống kiểm soát QLRR được cung cấp đầy đủ nguồn lực, con người, công cụ để hoạt động hiệu quả và được thực hiện thống nhất từ cấp cao nhất tới từng cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Kết quả công tác quản trị rủi ro trong năm 2019

Năm 2019 đánh dấu nhiều biến động của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là ảnh hưởng lớn từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, kế hoạch Brexit, các xung đột tại Trung Đông, giá dầu thay đổi liên tục... đã kéo đà tăng trưởng GDP toàn cầu. Trước các biến động lớn của kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đã đạt được dấu ấn khi GDP cả nước đạt 7,02%, trong điều kiện thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế biến động mạnh, Việt Nam vẫn duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc. Theo thực trạng cho thấy dù có nhiều nỗ lực cải cách nhưng vẫn còn những nút thắt chưa được tháo gỡ để tạo môi trường đầu tư lành mạnh, thu hút hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước có những khó khăn thuận lợi đan xen, bằng nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, PDN tiếp tục duy trì hoạt động ổn định và đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ.

Trong năm 2019, QTRR Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- ✓ Giám sát thực hiện mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;
- ✓ Theo dõi, đánh giá cắt giảm chi phí của các đơn vị hàng tháng;
- ✓ Xác định danh sách rủi ro trọng yếu để lập kế hoạch kiểm tra, phương án phòng vệ và ứng phó;

- ✓ Phối hợp với các đơn vị phân tích hiệu quả hoạt động cũng như đánh giá mức độ rủi ro của từng dự án kinh doanh để lựa chọn dự án kinh doanh phù hợp và hiệu quả;
- ✓ Rà soát, theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị, cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch để các đơn vị nhanh chóng cải thiện, khắc phục;
- ✓ Rà soát, đóng góp bổ sung chính sách, chỉnh sửa quy trình, quy định để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị;

Kế hoạch quản trị rủi ro năm 2020

Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng bởi chiến tranh thương mại, biến động tỷ giá, lãi suất, kế hoạch Brexit, nguy cơ tấn công khủng bố. Ở trong nước, bên cạnh những khó khăn như kinh tế tăng trưởng chưa bền vững, năng suất lao động, cạnh tranh còn thấp, nền kinh tế Việt Nam vẫn có nhiều điểm sáng, xu hướng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc qua

- ✓ Lập và thực hiện các kế hoạch kiểm tra kiểm soát nội bộ, tuân thủ quy trình;
- ✓ Báo cáo đánh giá, theo dõi việc thực thi;

Qua đó, một số phát sinh bất cập trong năm đã được phát hiện xử lý kịp thời, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của công ty.

Việt Nam. Việt Nam bắt đầu thực thi các cam kết Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở mức độ sâu rộng, cơ hội thu hút và tận dụng dòng vốn FDI, bùng nổ Logistics thương mại điện tử - bán lẻ và M&A trong ngành...

Nhận định những khó khăn thuận lợi bên trong và bên ngoài, trên cơ sở mục tiêu kế hoạch chung của công ty và của từng đơn vị trong năm 2020, công ty xác định danh sách 10 nhóm rủi ro trọng yếu gồm:

Danh sách rủi ro	Giải pháp quản lý rủi ro năm 2020
1. Rủi ro do dịch bệnh Covid-19 lan rộng và ảnh hưởng mạnh đến thị trường tài chính và nền kinh tế toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều sản phẩm hàng hóa trên thế giới và ở Việt Nam, đình trệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh	<p><i>Tập trung vào các nhiệm vụ chính sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ☞ Lập kế hoạch quản lý ngăn ngừa rủi ro, xây dựng phương án phòng vệ, ứng phó ☞ Giám sát triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 tại các đơn vị, cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch
2. Rủi ro biến động nhanh của thị trường kinh tế toàn cầu và Việt Nam, kế hoạch của đơn vị không còn thích ứng	
3. Rủi ro thiếu nhân sự, quy mô sản xuất tăng nhanh hơn nhân sự, không tuyển dụng được đủ số lượng	

4. Rủi ro thiếu cán bộ kế cận, trống vị trí quan trọng do không tìm được người thích hợp trong khoảng thời gian bắt buộc	☞ Thực hiện kiểm tra, kiểm soát nội bộ để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm nhằm khắc phục các sai sót kịp thời
5. Rủi ro mất khách hàng quan trọng làm ảnh hưởng mạnh đến doanh thu/ lợi nhuận	☞ Thúc đẩy hiệu quả hợp tác
6. Rủi ro cạnh tranh, đối thủ cạnh tranh phát triển nhanh hơn hoặc có những lợi thế khác biệt	☞ Lập và triển khai các kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tuân thủ quy trình và theo dõi đo lường kết quả khắc phục theo yêu cầu Thẻ điểm cân bằng (The Balanced Scorecard)
7. Rủi ro biến động nhà cung cấp, giá cả dịch vụ đầu vào tăng nhanh hơn giá bán đầu ra	☞ Phát huy sức mạnh khối quản trị tập trung, tăng cường vai trò quản trị rủi ro, hỗ trợ tốt cho hoạt động các đơn vị
8. Rủi ro an ninh mạng, nguy cơ rò rỉ thông tin mật, gián đoạn hệ thống	☞ Theo dõi việc thực thi khắc phục, cải thiện sau kiểm tra
9. Rủi ro sự cố trong quá trình vận hành (quy trình chưa chặt chẽ, đầy đủ, thiếu tuân thủ quy trình...)	☞ Tổng kết báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát quản lý rủi ro
10. Rủi ro về HSSE (bảo trì, bảo dưỡng tài sản, quy trình bảo vệ, các quy trình về HSSE...)	
11. Ảnh hưởng từ môi trường (bão lụt, hạn hán, vụ mùa...)	

Xác định công tác QTRR luôn đóng một vai trò quan trọng và song hành cùng với hoạt động của Công ty, do đó các đơn vị trong công ty có trách nhiệm duy trì và cải thiện hoạt động của hệ thống kiểm soát quản lý rủi ro thường xuyên và liên tục, cùng với sự giám sát của Ban

quản trị rủi ro và phòng ban chức năng quản trị tập trung, hoạt động QTRR sẽ góp phần đảm bảo thực thi các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

◆ 30 NĂM VỮNG BƯỚC TRƯỞNG THÀNH

Trải qua 30 năm, từ một xí nghiệp nhỏ chỉ có 4 người đến nay PDN đã là doanh nghiệp đại chúng với 266 CBNV, tổng tài sản đạt gần 850 tỷ đồng. Qua mỗi năm PDN đều đạt được bước phát triển mới. Đặc biệt, trong những năm gần đây, các chỉ số tài chính quan trọng đã đạt mức tăng trưởng cao và vượt chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019 là năm thứ 4 trong chiến lược kinh doanh 2016 – 2020 của PDN. Do đó, kết quả kinh doanh năm 2019 có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm tạo đà vững tiến và tinh thần tích cực cho toàn thể nhân viên PDN tiếp tục thực hiện các mục tiêu cho các năm sau.

Để tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020, trong năm 2019, PDN tăng tốc, tập trung tối đa mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển 2 lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là Khai thác cảng và Logistics.

Đối với mảng Logistics, hiện nay đang trở thành một ngành kinh tế thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp, các cấp, các ngành quản lý nhà nước và xã hội. Sự ra đời của Quyết định 200/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2017 về nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics đến năm 2025 đã mở ra một giai đoạn mới cho sự phát triển Logistics ở Việt Nam.

Và theo tinh thần của Nghị quyết 36-NQ/TW vào tháng 10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các doanh nghiệp dịch vụ Logistics cần đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế. Với vai trò là một trong những doanh nghiệp hoạt động Logistics, trong những năm qua, PDN đã không ngừng nỗ lực phát triển dịch vụ đa dạng về loại hình, mạng lưới và năng lực phục vụ.

Trong năm, với hàng loạt tín hiệu tích cực từ nền kinh tế, hoạt động Khai thác Cảng tại PDN đã gặt hái được những kết quả khả quan, đóng góp quan trọng trong kết quả kinh doanh của PDN. Để tăng năng lực khai thác và công suất hoạt động, PDN đã đẩy mạnh đầu tư mở rộng diện tích kho bãi, đầu tư mới nhiều trang thiết bị tại Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu. Trong năm 2019, PDN tiến hành các thủ

tục đấu thầu xây dựng thêm 01 bến tàu 30.000 DWT (bến B5), mở rộng thêm 8,0 ha bãi tại khu vực Cảng Gò Dầu, trong đó có 5,0 ha bãi thuê liền kề tiếp giáp với tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để đón đầu lượng hàng hóa cho những năm tới. Đồng thời, xây dựng bến tàu 5.000DWT và triển khai lắp đặt thêm 2 cần cẩu Liebherr sức nâng 30 tấn ở khu vực Long Bình Tân phục vụ lượng hàng hóa các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM. Bên cạnh đó, Ban Điều Hành đã bám sát chỉ đạo và có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển dịch vụ, chiến lược thị trường kinh doanh nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh về đúng quỹ đạo và mục tiêu sau cùng là hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận. Cụ thể so với kế hoạch được giao, PDN đã vượt 7,85% về chỉ tiêu doanh thu và vượt 17,59% về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế.

Tổng kết năm 2019, với định hướng đúng đắn của ĐHĐCĐ và sự quản trị điều hành hiệu quả của Ban Lãnh Đạo cùng sự quyết tâm, đồng thuận của toàn thể cán bộ công nhân viên, PDN tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu đánh dấu 30 năm - một chặng đường phát triển, tích hợp các dịch vụ về logistics, đẩy mạnh hoạt động mở rộng thị trường bằng thương hiệu Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả cùng chuỗi dịch vụ trọn gói đáp ứng nhu cầu tiết kiệm chi phí, nhanh chóng, an toàn và đảm bảo môi trường của các khách hàng quốc tế và trong nước, góp phần nâng cao sức cạnh tranh cho cả khách hàng và PDN.

Với thành quả đã đạt được cùng với tinh thần tiên phong, chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, nỗ lực phát triển khách hàng, thị phần, PDN tin tưởng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt, tạo đà tăng trưởng cho các năm tiếp theo.

Hoạt động kinh doanh của PDN

Đồng Nai là địa bàn có quá trình hội nhập, phát triển công nghiệp sớm và mạnh mẽ ở miền Đông Nam Bộ. Sự hình thành và phát triển của

Cảng Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trung chuyển hàng hóa đến các nhà máy tọa lạc trong các khu công nghiệp (KCN) của tỉnh nhà. Cảng Đồng Nai có 02 nhánh cảng trực thuộc: Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu.

Cảng Long Bình Tân



Tọa lạc tại mạn bắc cầu Đồng Nai được xây dựng với tổng chiều dài cầu cảng là 294 m có mực nước trước bến sâu nhất là 8m, Cảng có thể tiếp nhận tàu có tải trọng lên tới 5.000 DWT. Hàng hóa thông qua

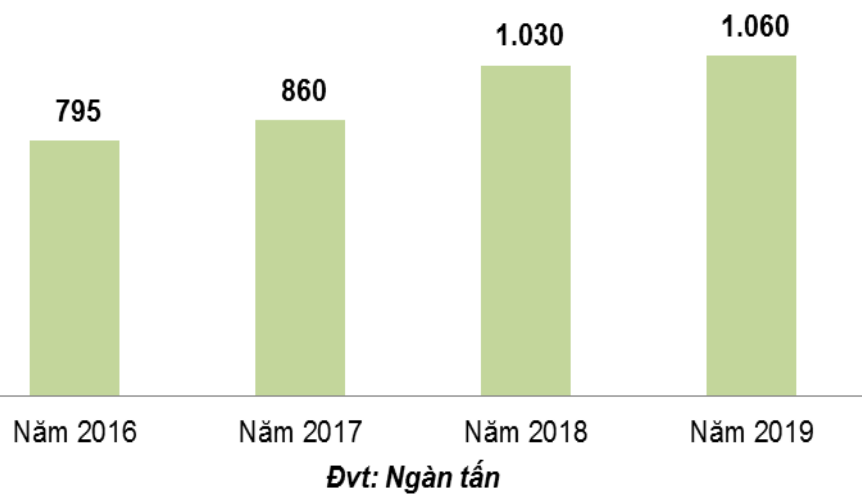
cảng chủ yếu là container, ngoài ra còn có sắt thép nguyên vật liệu thành phẩm, than đá, vật liệu xây dựng, nông sản vận chuyển đến các Doanh nghiệp nằm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Thuận.

Cảng Long Bình Tân bắt đầu chuyển đổi công năng sang khai thác hàng container từ cuối năm 2011. Do tập trung vào nâng cao năng lực sản xuất, năng suất xếp dỡ hàng hóa và đầu tư các trang thiết bị xếp dỡ, công cụ hỗ trợ hợp lý nên năng suất xếp dỡ đạt được hiệu quả trung bình hơn 16 container/giờ. Năng suất làm hàng tổng hợp đạt từ 1500-5000 tấn/tàu/ngày.

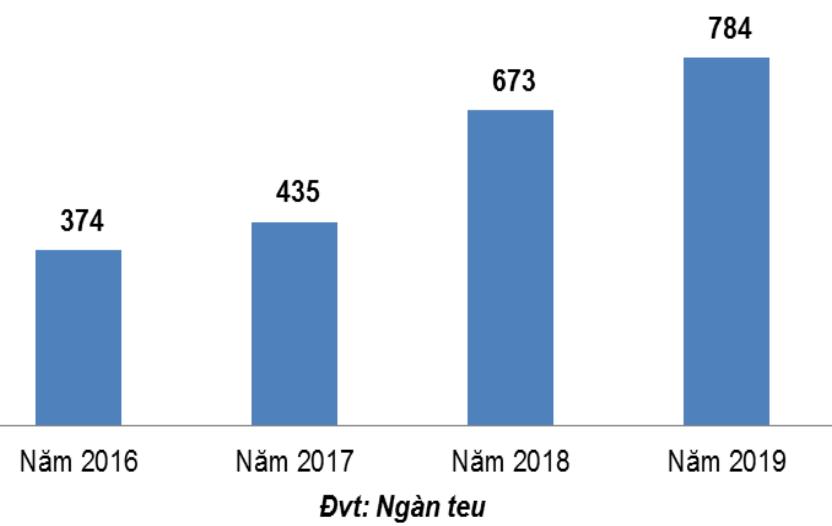
Công ty CP Cảng Đồng Nai luôn quan tâm đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Tuy nhiên trong năm 2019, sản lượng hàng tổng hợp thực hiện xếp dỡ qua cảng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi hoạt động đầu tư nâng cấp cầu cảng từ tháng 1 đến tháng 6 dẫn đến khả năng tiếp nhận phương tiện bị hạn chế. Sản lượng hàng tổng hợp qua Cảng Long Bình Tân trong năm 2019 đạt 1.060.000 tấn, tăng 3% so cùng kỳ. Sản lượng tác nghiệp hàng container đạt hơn 784 ngàn teu, tăng 17% so cùng kỳ.

PDN luôn tăng cường kết nối với các cảng nước sâu để gia tăng lượng hàng thông quan qua cảng. Hiện lượng container từ các cảng nước sâu luồng Thị Vải - Cái Mép về Cảng Đồng Nai chiếm 80% sản lượng, 20% sản lượng còn lại là từ PDN về các cảng khu vực TP.HCM. Chính nhờ dịch vụ xếp dỡ chuyên nghiệp kết hợp khai thác hiệu quả tuyến sà lan, PDN góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông trên các tuyến đường bộ và trở thành địa chỉ kết nối tin cậy của khách hàng trong tỉnh Đồng Nai và khu vực Đông Nam bộ.

Sản lượng hàng tổng hợp tại
khu vực Long Bình Tân



Sản lượng container



Cảng Gò Dầu



Nằm trong khu công nghiệp Gò Dầu, cạnh các khu công nghiệp Mỹ Xuân, Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Cảng Gò Dầu có diện tích 549.400m² gồm 06 cầu cảng với tổng chiều dài cầu gần 1.026m và khả năng tiếp nhận tàu lên đến 30.000DWT. Hoạt động chính của Cảng là xếp dỡ hàng tổng hợp, dịch vụ kho, bãi, hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là khoáng sản, than đá, nguyên vật liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, sắt thép, phân bón và hóa chất.

Cơ sở hạ tầng Cảng Gò Dầu cơ bản hoàn thiện, công tác vệ sinh môi trường luôn được Cảng quan tâm hàng đầu. Cụ thể, Cảng đã thực hiện:

- ☞ Đầu tư hệ thống rửa xe vận chuyển ở tất cả các cầu cảng làm hàng rời trước khi tham gia vào hệ thống giao thông nội bộ, giao thông ra bên ngoài để vận chuyển tới kho của khách hàng.
- ☞ Trang bị xe tưới nước di động hạn chế tối đa lượng bụi cuốn

lên từ hệ thống giao thông nội bộ, giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường.

☞ Đầu tư hệ thống vách ngăn bụi ngăn cản việc phát tán bụi từ các bãi trong khu vực Cảng. Ngoài ra, Công ty còn phối hợp với các đối tác sử dụng bãi tại cảng hoàn thiện hệ thống kho bãi, xử lý nước thải, che chắn bụi trong quá trình thực hiện sản xuất, chế biến than, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong hoạt động khai thác khi bãi, xếp dỡ hàng hóa.

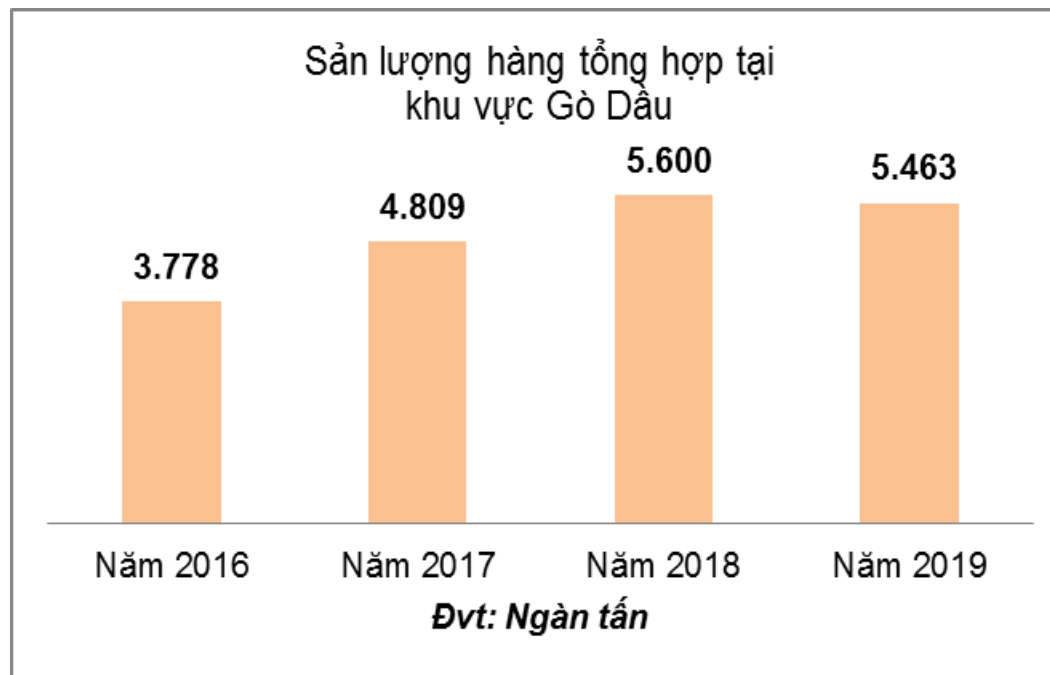
Công tác bố trí sản xuất đạt được hiệu quả, khai thác tối đa hiệu suất của cơ sở hạ tầng hiện hữu gia tăng hiệu quả sử dụng cầu cảng và nâng cao sản lượng thông qua cảng. Cảng đã làm việc với các đơn vị cung cấp dịch vụ gia tăng nguồn lực thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị được quan tâm, đảm bảo luôn đủ thiết bị cho nhu cầu làm hàng phục vụ khách hàng.

Để bù vào lượng hàng hóa giảm đi do ảnh hưởng bởi tình hình chung của thị trường cùng với sự cạnh tranh gay gắt với các Cảng lân cận khi chuyển đổi công năng để chia sẻ khách hàng đang sử dụng dịch vụ tại Cảng Gò Dầu, ngoài lượng hàng cố định từ các khách hàng truyền thống, năm 2019 Cảng Gò Dầu đã đa dạng hóa nguồn hàng và phát triển thêm một số khách hàng với sản lượng tương đối lớn, góp phần duy trì và đạt được mức sản lượng được giao. Cụ thể, tổng sản lượng xếp dỡ thông qua Cảng Gò Dầu năm 2019 đạt tương đương 5,5 triệu tấn, tương đương với mức sản lượng đạt được trong cùng kỳ 2018.

Nhằm tăng năng lực khai thác và công suất hoạt động, PDN đã đẩy mạnh đầu tư mở rộng diện tích kho bãi, đầu tư mới nhiều trang thiết bị tại Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu. Trong năm 2019, Cảng tiến hành các thủ tục đấu thầu xây dựng thêm 01 bến tàu 30.000 DWT (bến B5), mở rộng thêm 8,0 ha bãi tại khu vực Cảng Gò Dầu, trong đó có 5,0 ha bãi thuê liền kề tiếp giáp với tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để đón đầu lượng hàng hóa cho những năm tới.

PDN tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu đánh dấu 30 năm - một chặng đường phát triển, tích hợp các dịch vụ về logistics, đẩy mạnh hoạt động mở rộng thị trường bằng thương hiệu uy tín - chất lượng - hiệu quả cùng chuỗi dịch vụ trọn gói đáp ứng nhu cầu tiết

kiệm chi phí, nhanh chóng, an toàn và đảm bảo môi trường của các khách hàng quốc tế và trong nước, góp phần nâng cao sức cạnh tranh cho cả khách hàng và PDN.



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giao	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % So với kế hoạch	Tỷ lệ % So với cùng kỳ 2018
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	694.000	748.508	107,8%	111,5%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	116.100	136.575	117,6%	122,2%
3	Cổ tức dự kiến	%	25%	30%	120%	128,6%
4	Lãi cơ bản trên CP	đồng /cổ phiếu	-	6.460	-	122%
5	Tổng vốn đầu tư XD CB (chưa gồm chi phí đền bù giải tỏa)	Tr.đồng	68.902	44.546	64,6%	117,7%

Doanh thu

Trong năm 2019, tổng doanh thu toàn công ty đạt **748.508** triệu đồng, vượt **7,8%** so kế hoạch được giao, tăng trưởng **11,5%** so với năm 2018. Các mảng kinh doanh của công ty đều có mức tăng trưởng cao, trong đó:

Doanh thu từ mảng khai thác hàng tổng hợp (bao gồm doanh thu xếp dỡ hàng tổng hợp, doanh thu bãi và kho hàng) đạt **354.793** triệu đồng, tăng **5%** so với năm 2018, chiếm **47,4%** trong cơ cấu doanh thu.

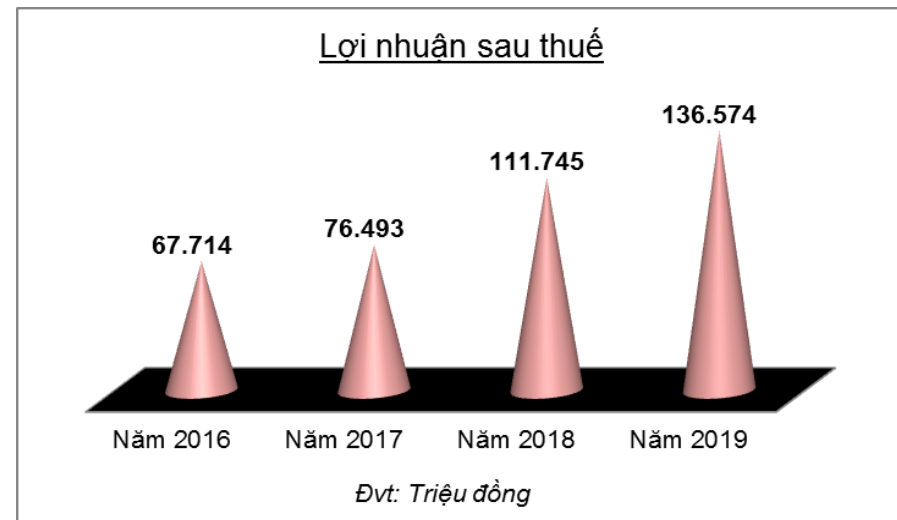
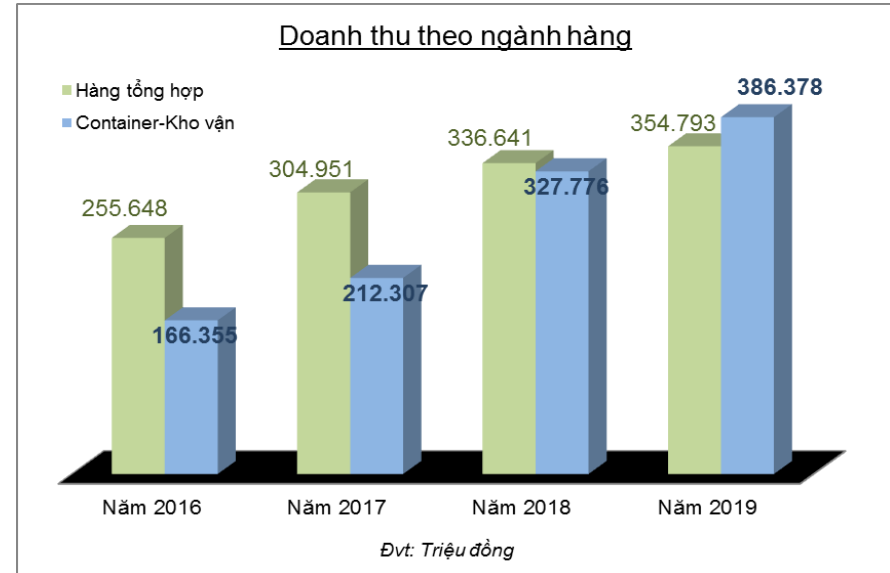
Doanh thu từ mảng khai thác container-Kho vận Logistics đạt **386.378** triệu đồng, tăng **18%** so với năm 2018, chiếm **51,6%** trong cơ cấu doanh thu. Đây là mảng kinh doanh được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2011, cho đến nay có mức tăng trưởng tốt

Nhìn chung, mô hình kinh doanh khai thác của PDN còn mang tính truyền thống thuần túy, chưa tiếp cận được nhiều với nhu cầu trong chuỗi cung ứng của khách hàng. Bên cạnh đó, tốc độ đầu tư trang thiết bị đang được triển khai tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng sự phát triển của thị trường.

Cơ sở hạ tầng giao thông đã được đầu tư nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đường bộ từ các KCN ở Đồng Nai đến các cảng nước sâu, điều này làm giảm giá trị chuỗi vận chuyển bằng sà lan mà công ty đang cung cấp, gây ảnh hưởng đến hoạt động của PDN.

Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt **136.574** triệu đồng, vượt **17,63%** so với kế hoạch và tăng trưởng **22,22%** so cùng kỳ năm 2018.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban điều hành



NGUYỄN NGỌC TUẤN

Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ kinh tế

Ngày vào Công ty:

Năm 1995 trước khi giữ vị trí Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai (từ tháng 3/2016), ông Nguyễn Ngọc Tuấn đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại Công ty

- Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần (tại ngày 31/12/2019) là 0,456%



HUỖNH NGỌC TUẤN

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán ngân hàng

Ngày vào Công ty:

Năm 2005 trước khi giữ vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai (từ tháng 10/2019), ông Huỳnh Ngọc Tuấn đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại Công ty

- Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần (tại ngày 31/12/2019) là 0,02%

- Tỷ lệ đại diện Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp sở hữu cổ phần (tại ngày 31/12/2019) là 10%



TRẦN VĂN NGUYÊN

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư xây dựng

Ngày vào Công ty:

Năm 2016 trước khi giữ vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai (từ tháng 01/2016), ông Trần Văn Nguyên đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

- Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần (tại ngày 31/12/2019) là 0%

- Tỷ lệ đại diện Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp sở hữu cổ phần (tại ngày 31/12/2019) là 10%



VŨ THỊ QUỲNH TRANG

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán

Ngày vào Công ty:

Năm 2010 trước khi giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Đồng Nai (từ tháng 10/2019), bà Vũ Thị Quỳnh Trang đã giữ vị trí Kế toán tổng hợp tại Công ty

- Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần (tại ngày 31/12/2019) là 0%

Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành các Nghị Quyết như sau:

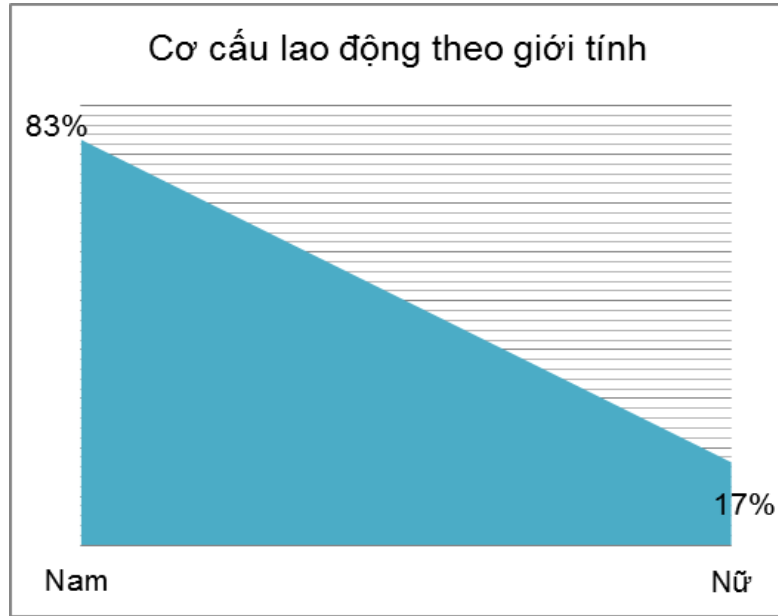
1- Nghị quyết HĐQT số 12/2019/NQ-HĐQT ngày 21/03/2019 về việc tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Tuấn giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 25/03/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016 - 2020.

2- Nghị quyết HĐQT số 76/2019/NQ-HĐQT ngày 27/09/2019 về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng, đồng thời bổ nhiệm Ông Huỳnh Ngọc Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc và bà Vũ Thị Quỳnh Trang giữ chức vụ Kế toán trưởng. Thời hạn bổ nhiệm đối với hai chức vụ này kể từ ngày 01/10/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016 - 2020.



Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2019, tổng số lao động của PDN là **267** người, phân theo cơ cấu như sau:



☞ Cơ cấu lao động:

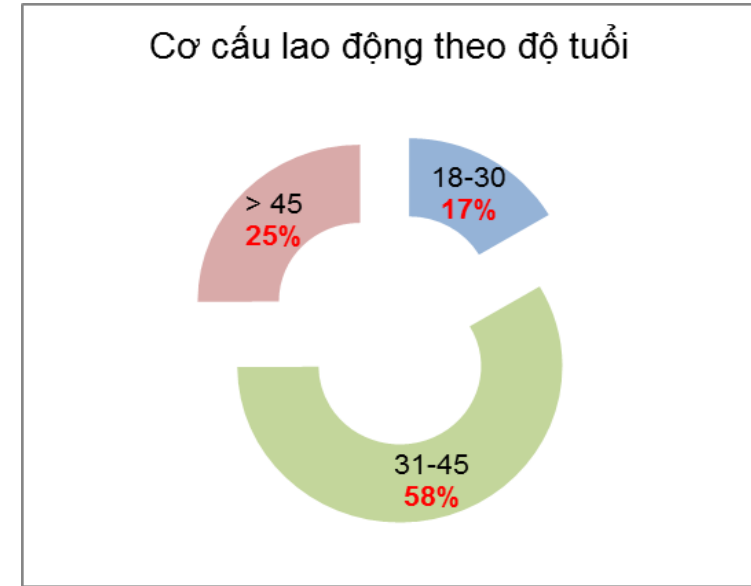
Lực lượng lao động của PDN hiện nay gần 270 cán bộ công nhân viên. Đây là nguồn tài nguyên quý báu với tỷ lệ gần 60% có trình độ đại học và trên đại học, 58% đang ở độ tuổi dưới 45. Bên cạnh đó, tỷ lệ thôi việc thấp cũng là một điểm sáng về nguồn lực, thể hiện sự gắn bó và mức độ liên kết giữa Công ty và cán bộ công nhân viên.

☞ Quan hệ lao động:

Tất cả cán bộ công nhân viên công ty đều được ký hợp đồng lao động và được đảm bảo quyền lợi theo như quy định của Bộ luật lao động hiện hành.

Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, thang bảng lương được đăng ký đầy đủ với cơ quan quản lý lao động và được cập nhật khi các chính sách của Nhà nước thay đổi.

Công ty không sử dụng lao động trái với quy định của pháp luật.



☞ Tổ chức công đoàn:

Luôn là nhịp cầu nối hiệu quả giữa Công ty và người lao động, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty các chính sách chăm lo đời sống và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho CB-CNV, đồng thời cũng là kênh tiếp nhận các ý kiến, thắc mắc của CB-CNV chuyển lên Công ty để có các đề xuất giải pháp và xử lý hợp tình hợp lý cho cả Công ty và người lao động.

Các thành viên BCH Công đoàn được phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động của Công ty để đảm bảo tất cả người lao động của Công ty đều được quan tâm đầy đủ và sát sao.

Phát triển nguồn nhân lực

Con người là nguồn lực quan trọng quyết định sự thành công của PDN. Chính vì vậy, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, tâm huyết với nghề, gắn bó với công ty.

Người lao động tại PDN đều được đối xử công bằng, minh bạch trong đãi ngộ, đề bạt, khen thưởng theo kết quả công việc, khuyến khích tư duy sáng tạo, đột phá để tạo nên sự khác biệt trong sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nhân lực luôn được công ty quan tâm thông qua chất lượng tuyển dụng song song với các chương trình đào tạo, huấn luyện chuyên sâu nhằm phục vụ kịp thời cho nhu cầu phát triển trong tương lai.

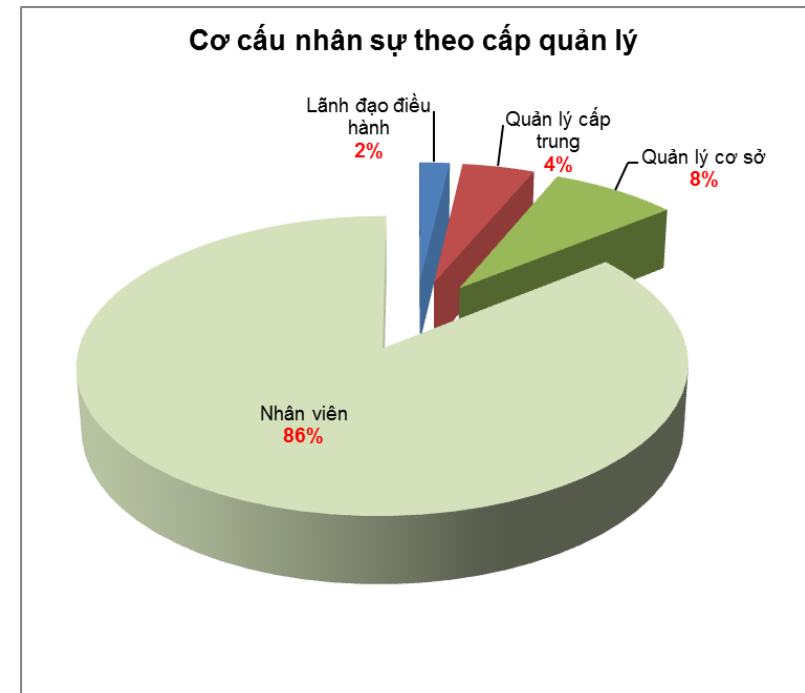
Trong năm 2019, hướng tới sự phát triển nguồn nhân lực bền vững và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, PDN đã triển khai các dự án thay đổi tư duy lãnh đạo, mô tả công việc, xây dựng hệ thống KPIs theo BSC (thẻ điểm cân bằng). Ngoài ra, PDN cũng đã triển khai hệ thống hóa và quản lý toàn bộ các nghiệp vụ nhân sự, tiền lương trên hệ thống, giúp tăng hiệu suất lao động và tăng hiệu quả công tác quản trị nguồn nhân lực toàn Công ty. Chương trình đào tạo kỹ năng chăm sóc khách hàng đã được tổ chức dành cho tất cả cán bộ công nhân viên đang tiếp xúc với khách hàng trong quá trình tác nghiệp của mình, tạo nên những chuyển biến về chất trong thái độ phục vụ và cải thiện chất lượng thông qua đơn vị đào tạo chuyên nghiệp và nội bộ.

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được không thể không đề cập đến chất lượng quản trị của cán bộ quản lý cấp trung. Với yêu cầu này, trong năm qua các cán bộ quản lý cấp trung của PDN đã tham gia khóa tập huấn nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng quản trị cập nhật nhất, những công cụ hiệu quả nhất để mỗi cán bộ cấp trung chủ

động, sáng tạo, tự tin trong công tác quản lý của mình cùng đưa đơn vị tiếp cận thành công về tầm nhìn và mục tiêu chiến lược.

Trong thời gian tới, nhiều dự án đang và sẽ tiếp tục đi vào hoạt động, việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Do vậy, PDN sẽ tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, huấn luyện, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu với hình thức đa dạng hơn. Công ty tiếp tục chú trọng xây dựng, phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ kế thừa xứng đáng để phát huy tinh thần văn hóa PDN đáng tự hào, cùng chung tay xây dựng môi trường kinh doanh phát triển bền vững và trường tồn.



CÁC PHÒNG BAN

"Chúng tôi mong muốn góp phần đưa PDN trở thành doanh nghiệp cảng biển hàng đầu trong khu vực. Và từ cột mốc 30 năm, con đường phía trước đã được vạch ra rất rõ ràng với quyết tâm giữ trọn vẹn niềm tin, xứng đáng với kỳ vọng mà các cấp lãnh đạo, khách hàng, đối tác và cổ đông đặt vào thương hiệu PDN", chia sẻ đó cũng là tâm huyết chung của đội ngũ PDN trước chặng đường mới.



PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP



PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH



LỰC LƯỢNG BẢO VỆ



PHÒNG KHO VẬN LOGISTICS



PHÒNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ



BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ



PHÒNG KINH DOANH



PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



PHÒNG DỰ ÁN CÔNG NGHỆ

CÁC CHI NHÁNH



CHI NHÁNH CẢNG GÒ DẦU



CHI NHÁNH CẢNG LONG BÌNH TÂN

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn trong công ty

Khu vực Long Bình Tân

PDN đang triển khai thực hiện các dự án như:

Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2A (9,18ha)

- Mục tiêu của dự án: Đầu tư xây dựng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2
- Tổng mức đầu tư: 438,5 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 191,1 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư năm 2019: 1,660 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện:
 - o Năm 2014: Đã hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng được 5ha/9,18ha
 - o Năm 2015: Hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng đường bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, các công trình hạ tầng kỹ thuật
 - o Năm 2016: Đầu tư san lấp mặt bằng phần diện tích còn lại (4ha/9,18ha) xây dựng bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng
 - o Năm 2017: Đầu tư hoàn thiện mặt bãi 3ha và tiếp tục san lấp bãi diện tích 0,5ha.
 - o Năm 2018: Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng (hệ thống thoát nước chung)
 - o Năm 2019: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng (hệ thống thoát nước chung và nhà kho số 5)

Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B (5,53ha)

- Đang chờ được cấp giấy chứng nhận đầu tư
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 5,9 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư năm 2018: 0,4 tỷ đồng

- Tiến độ Dự án:
 - o Năm 2017: Triển khai san lấp mặt bằng 1,2ha
 - o Năm 2018: Đang chờ hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng
 - o Năm 2019: Đã hoàn thành đền bù khoảng 1,5ha nên triển khai san lấp bãi để mở rộng mặt bằng khai thác.

Mở rộng Cảng Đồng Nai Giai đoạn 1 (5,6ha)

- Tổng mức đầu tư: 32,4 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 93,3 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư năm 2018: 4,9 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện Dự án:
 - o Năm 2003 bắt đầu đưa vào khai thác chính thức
 - o Năm 2009 đầu tư nâng cấp bến 2.000DWT lên 5.000DWT và bãi container Long Bình Tân
 - o Năm 2018 đầu tư cầu cảng số 2 mở rộng và nâng cấp bãi container Long Bình Tân
 - o Năm 2019: Hoàn thành đầu tư cầu cảng số 2 mở rộng và nâng cấp bãi container Long Bình Tân; Mua sắm thiết bị làm hàng container

Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 3

Công ty đang triển khai thủ tục xin giới thiệu địa điểm, đang chờ quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung TP.Biên Hòa.

Ngoài các dự án nêu trên, nhằm tối ưu hóa khả năng khai thác, tăng năng suất, nâng cao doanh thu và lợi nhuận, PDN đã thi công hoàn thành cầu chính liên kết và mở rộng 2 cầu cảng số 2 và cầu cảng số 3 và phần mở rộng sau cầu cảng số 3 thành một tuyến liên tục tại khu vực Cảng Long Bình Tân từ năm 2018. Sau thời gian một năm đưa vào hoạt động khai thác đã giúp tăng khả năng lưu thông cho các

phương tiện vận tải, giải phóng hàng hóa, không ảnh hưởng tới quá trình khai thác, đồng thời giải quyết được các vấn đề cơ bản:

- Cầu cảng quá tải, không đáp ứng được lượng hàng hóa trung chuyển đến các nhà máy và ngược lại.

- Gia tăng sản lượng xếp dỡ thông qua Cảng, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho Cảng.

- Giữ chân được các khách hàng thân tín và cạnh tranh, thu hút được thêm lượng khách hàng mới từ các bến cảng lân cận như Cảng Long Bình, Cảng Bình Dương. v.v...

Khu vực Gò Dầu

Dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2

- Tổng mức đầu tư: 318,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 89,3 tỷ đồng
- Giá trị thực hiện năm 2018: 12,6 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện:
 - o Bắt đầu đưa Dự án vào khai thác năm từ năm 2015
 - o Năm 2016: Hoàn thành thi công bãi số 4 (diện tích 2,7ha)
 - o Năm 2017: Hoàn thành thi công bãi số 5 (diện tích 4ha) và hàng rào
 - o Năm 2018: Đầu tư hoàn thiện mặt đường và hệ thống thoát nước
 - o Năm 2019: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống đường bãi và hệ thống chống bụi cho cảng Gò Dầu

Dự án giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B

- Mục tiêu dự án: điều chỉnh dự án Giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B
- Tổng mức đầu tư: 423,5 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay

- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 196,6 tỷ đồng
- Giá trị thực hiện năm 2018: 11,1 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện:
 - o Năm 2015: đưa vào khai thác chính thức bến tàu 30.000DWT (bến B4)
 - o Năm 2016: Đầu tư mua sắm cầu, thiết bị làm hàng cho bến tàu 30.000DWT (bến B4)
 - o Năm 2017: Đầu tư hệ thống điện và trạm biến áp; Đầu tư hoàn thành đường nội bộ; Đầu tư hệ thống PCCC cầu cảng
 - o Năm 2018: Đầu tư nâng cấp cầu cảng số 3 (Bến B3) từ 15.000DWT lên 30.000DWT; Mua 01 xe chữa cháy chuyên dụng
 - o Năm 2019: Hoàn thành bãi cấp phối đá dăm diện tích 0,64ha và hố rửa xe.

Dự án Cảng Gò Dầu khu A

- Tổng mức đầu tư: 104,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công dự án: 86,2 tỷ đồng
- Giá trị thực hiện năm 2018: 0,6 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện dự án:
 - o Năm 2013: Đầu tư nâng cấp đường nội bộ
 - o Năm 2016: Đầu tư hệ thống xử lý nước thải.
 - o Năm 2017: Đầu tư hệ thống PCCC cầu cảng; Đầu tư hoàn thành đường nội bộ
 - o Năm 2018: Đầu tư hoàn thiện đường A6
 - o Năm 2019: Đầu tư nâng cấp bến tàu A3 (30.000DWT giảm tải) và bến tàu B3 (30.000DWT giảm tải)

Riêng khu vực Cảng Gò Dầu, Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống chống bụi gồm hệ thống phun sương và hố rửa bánh xe trước khi di chuyển ra khỏi khu vực cảng, giảm thiểu đáng kể lượng bụi phát tán, tạo môi trường vệ sinh sạch sẽ cho cảng.

Tình hình hoạt động và tài chính của các Công ty liên kết

Công ty CP Cảng Long Thành và Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai là các Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ, vận tải, kinh doanh xăng dầu. Trong năm 2019 kết quả hoạt động của các Công ty như sau:

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Cảng Long Thành lần lượt là **19.778** triệu đồng (đạt **100,5%** so cùng kỳ) và **5.346** triệu đồng (đạt **96,7%** so cùng kỳ)

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai lần lượt là **94.313** triệu đồng (đạt **126,5%** so cùng kỳ) và **3.992** triệu đồng (đạt **446%** so cùng kỳ)

Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công Nghiệp: nắm giữ số lượng **9.446.220** cổ phần (chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ của PDN).

Tình hình đầu tư dài hạn vào Công ty khác

PDN đã đầu tư **7.000.000.000** đồng vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức, địa chỉ: Đường Hội Bài - Châu Pha, Suối Nghệ, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đvt: Triệu đồng

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Năm 2019 doanh thu thuần đạt 741.538 triệu đồng, tăng 7,47% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 151.694 triệu đồng, tăng 17,59% so với kế hoạch, tăng 22,22% so với năm trước. Trong đó, hoạt động kinh doanh cốt lõi về Cảng và Logistics vẫn tiếp tục phát triển bền vững

Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	846.717	934.896	110,41
Doanh thu thuần	666.518	741.538	111,25
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	123.827	150.735	121,73
Lợi nhuận khác	280	959	342,5
Lợi nhuận trước thuế	124.107	151.694	122,22
Lợi nhuận sau thuế	111.745	136.575	122,22

Kết quả của các hoạt động kinh doanh chính

Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ năm 2015 đến năm 2019 là **22,1%**. Với mục tiêu kinh doanh mang lại hiệu quả tốt, kết quả lợi nhuận gộp cũng có mức tăng trưởng tương ứng là **29,5%**. Tỷ lệ tăng trưởng này cho thấy giai đoạn từ năm 2015 đến 2019 PDN đã quản lý hiệu quả các chỉ tiêu chi phí, giá vốn và các khoản chi phí khác.

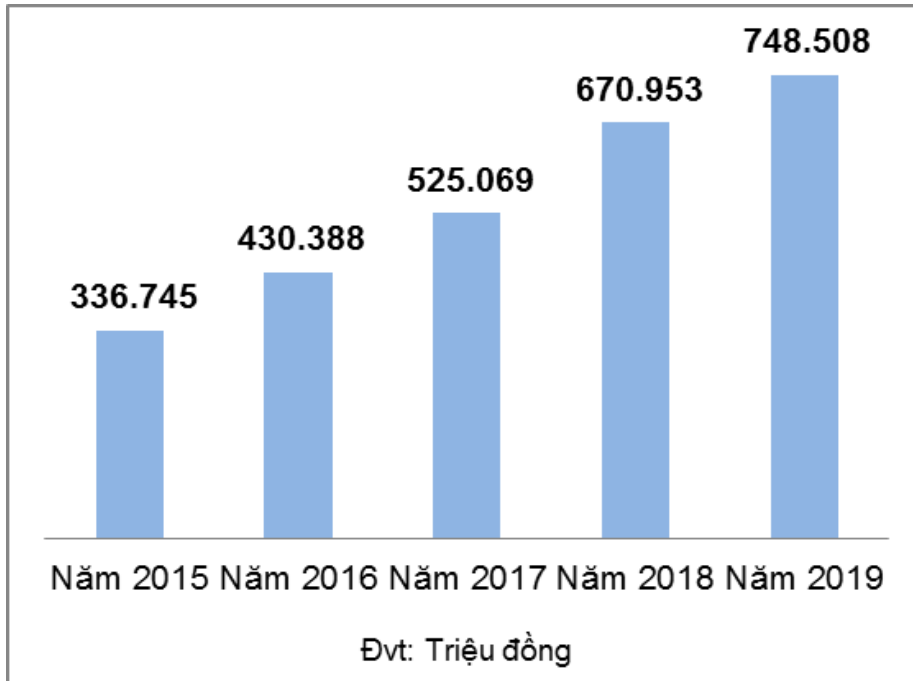
Năm 2019, lợi nhuận gộp của PDN là **151.694** triệu đồng, vượt **22,22%** so cùng kỳ 2018 đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của PDN là khai thác cảng và hoạt động Logistics.

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	CAGR
Tổng doanh thu	336.745	430.388	525.069	670.953	748.508	22,1%
Doanh thu thuần	322.426	421.920	517.499	666.518	741.538	23,1%
Giá vốn hàng bán	214.472	287.688	365.102	467.153	511.019	24,2%
Lợi nhuận trước thuế	54 010	71.438	85.014	124.107	151.694	29,5%

TỔNG DOANH THU

↑ **22,1%**

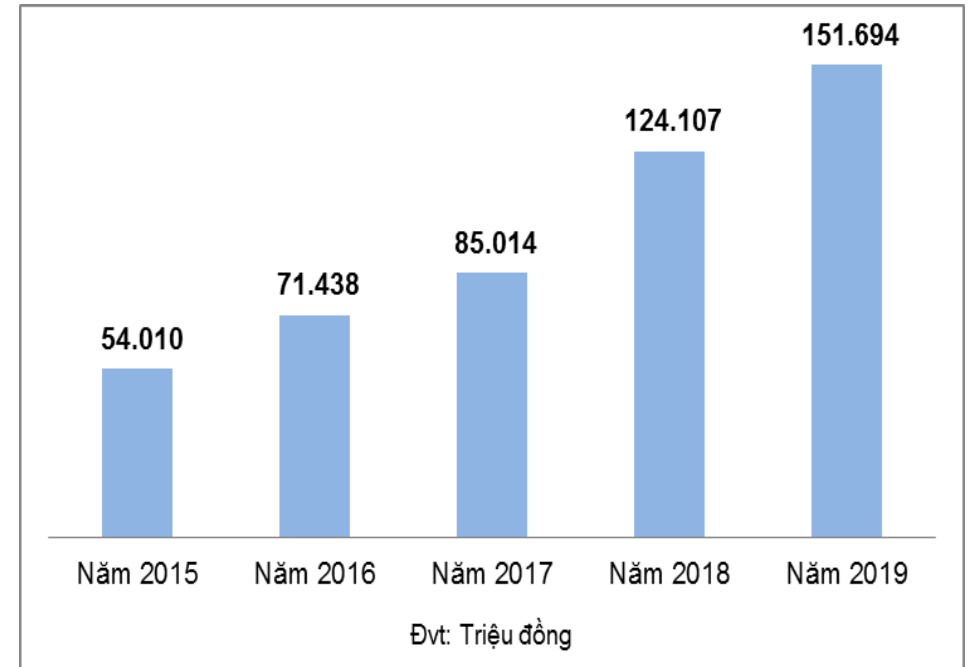
Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2019



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

↑ **29,5%**

Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2019



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



Chỉ tiêu	Năm X 1	Năm X	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,22	1,37	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,21	1,37	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,45	0,40	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,80	0,66	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	78,7	79,3	Hoạt động SXKD của PDN chủ yếu là cung cấp dịch vụ, nên chỉ tiêu hàng tồn kho không đáng kể

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	0,17	0,18
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,24	0,24
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,13	0,15
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,18	0,20

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Ngày 19/07/2019 PDN đã chốt danh sách cổ đông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tính đến ngày 31/12/2019, vốn điều lệ của PDN là **185.219.540.000** đồng, tổng số cổ phần sau khi phát hành là **18.521.954** cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu (*Bảng cơ cấu cổ đông được thể hiện bên dưới*).

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, PDN luôn theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực, thay đổi cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị để phát triển tốt hơn với sự chuyển biến của thị trường, phù hợp với xu thế hội nhập sâu và rộng trên khắp các lĩnh vực của nền kinh tế.

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp luôn gắn liền với chính sách phát triển bền vững, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của PDN. Chính sách phát triển bền vững của công ty đã được cụ thể hóa bằng những hành động kịp thời, thiết thực và mang tính lâu dài.

Cụ thể, năm 2019 và những năm tiếp theo, PDN đã và sẽ tập trung phát huy chính sách phát triển bền vững trên các lĩnh vực sau:

👉 *Môi trường làm việc*: Tiếp tục xây dựng môi trường làm việc cởi mở, minh bạch, cạnh tranh công bằng, đáng tự hào và trở thành nơi thu hút và giữ chân những người lao động tốt.

👉 *Văn hóa*: Tạo nên nét đặc trưng và khác biệt của văn hóa PDN, ở đó tinh thần dân tộc, tiên phong luôn được đề cao, là một tập thể những con người PDN trách nhiệm với bản thân, gia đình, công ty và xã hội, luôn chính trực và sẵn sàng cầu tiến, biết chủ động kết nối với đồng nghiệp, với đối tác, khách hàng và những người đồng hành.

👉 *Chế độ đãi ngộ và phúc lợi*: Tiếp tục xây dựng chế độ đãi ngộ và phúc lợi có tính cạnh tranh cao, giúp thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, khuyến khích, tưởng thưởng tinh thần sáng tạo, phát huy tối đa năng lực cá nhân, làm nền tảng cho sức mạnh tập thể vượt qua mọi thử thách, hiện thực hóa mục tiêu và tầm nhìn đã đề ra.

👉 *Trách nhiệm xã hội*: Chú trọng yếu tố vệ sinh môi trường, duy trì cảnh quan xanh - sạch - đẹp, sử dụng tiết kiệm năng lượng; tạo thêm

nhieu việc làm cho nhân dân địa phương; triển khai công tác thiện nguyện thông qua các chương trình tương thân tương ái, giúp đỡ trẻ mồ côi, người tâm thần, trẻ em cơ nhỡ...



Các hoạt động về phát triển bền vững

Là một công ty đại chúng, yếu tố minh bạch và trách nhiệm xã hội là một trong những yếu tố then chốt đảm bảo sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Trách nhiệm xã hội đối với địa phương trong và ngoài tỉnh luôn được PDN chú trọng thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Tất cả các dự án của PDN đều được thẩm định và đánh giá tác động môi trường chặt chẽ, thiết kế và xây dựng theo hướng xanh, tối ưu hóa không gian, tiết kiệm năng lượng, hạn chế tối đa những tác hại đối với môi trường xung quanh.

Các giải pháp quản lý, tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu

Trong sản xuất kinh doanh, yếu tố an toàn và cắt giảm chi phí là những nội hàm quan trọng không thể thiếu. Vì vậy kiểm soát và giảm thiểu tiêu hao nhiên liệu là nhiệm vụ ưu tiên giúp giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động đồng thời góp phần bảo vệ môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.

Việc kiểm soát tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng đã được PDN quan tâm triển khai thường xuyên, liên tục ở mọi lĩnh vực hoạt động bằng nhiều hình thức đa dạng, bao gồm nhưng không giới hạn:

- ☞ Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của cơ quan cấp điện, nước.
- ☞ Đầu tư lắp đặt các thiết bị điện hiện đại với độ ổn định cao, các thiết bị cũ đều được thay thế giảm thiểu tiêu hao nhiên liệu không cần thiết.
- ☞ Lắp đặt các trạm biến áp để giảm tiêu thụ nhiên liệu chạy máy phát.
- ☞ Sử dụng phần mềm quản lý container tại các CY (Container Yard) và Depot, tối ưu hóa hoạt động, hạn chế đảo chuyển container để giảm tiêu thụ nhiên liệu cho các thiết bị như xe nâng, cầu, thiết bị khác.
- ☞ Ứng dụng phần mềm tiên tiến quản lý tiêu thụ nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị.
- ☞ Thực hiện bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa, nâng cấp phương tiện, đảm bảo hoạt động đúng tiêu chuẩn của nhà chế tạo.
- ☞ Thay bóng đèn dây tóc hay Compact bằng bóng đèn công nghệ LED giúp tăng độ sáng, tiết kiệm điện năng và có độ bền cao.

☞ Theo dõi hàng ngày đồng hồ đo đếm điện tại từng khu vực để kiểm soát điện năng nhằm mục đích ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có).

☞ Sử dụng tole lấy ánh sáng tự nhiên để giảm việc sử dụng đèn chiếu sáng ban ngày, sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên và các tấm lợp cách nhiệt để đảm bảo độ thông thoáng bên trong nơi làm việc.

☞ Các bộ phận kỹ thuật kiểm soát các hệ thống phần mềm như: Hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải, v.v... để tối ưu hóa việc tiết kiệm năng lượng.

☞ Bảo trì hệ thống cơ điện tuân thủ theo kế hoạch bảo trì định kỳ hàng năm đã được phê duyệt và tuân thủ theo những khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm đảm bảo máy móc hoạt động tốt, ổn định, ít hư hỏng và tăng tuổi thọ thiết bị.

☞ Điều chỉnh lịch đóng/ ngắt hệ thống điều hòa không khí, đèn chiếu sáng, quạt thông gió, các thiết bị sử dụng năng lượng.

☞ Tách các line đèn, line quạt, quy hoạch khu vực chức năng và lập trình điều khiển đèn, quạt ở một số khu vực chức năng sao cho tối ưu hóa trong việc sử dụng điện.

☞ Theo dõi các đồng hồ đo đếm điện hàng ngày nhằm kiểm soát hoạt động của các khu vực và xử lý những bất thường xảy ra nếu có.

☞ Xe nâng, xe chuyên dụng... sử dụng trong phạm vi kho hàng, bãi container... được đầu tư xe điện, không gây ô nhiễm.

☞ Chỉ đạo quyết liệt và đồng tình của Ban lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các phòng ban, đơn vị; nâng cao kiến thức của nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

☞ Trong năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai tiết kiệm nhiên liệu sử dụng trong khai thác đối với đội vận tải bộ, giám định mức nhiên liệu.

☞ Tổ chức các lớp huấn luyện thực hành 5S, nhắc nhở đến từng bộ phận, cán bộ công nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm điện, tắt điện khi ra về hoặc khi không sử dụng.

☞ Khuyến khích các phòng ban, đơn vị sản xuất tạo nhiều không gian cây xanh và môi trường làm việc trong lành.

Hệ thống nước cấp và nước thải:

☞ Theo dõi đồng hồ đo đếm nước cấp hàng ngày nhằm hạn chế và ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có).

☞ Nước mưa trên mái các công trình được ống dẫn dẫn vào bể nước PCCC ngầm, vừa phục vụ cho hệ thống PCCC vừa cung cấp nước tưới cây...

☞ Việc xử lý nước thải, chất thải được nghiêm chỉnh thực hiện theo luật bảo vệ môi trường và quy định của các cơ quan chức năng.

☞ Để các hệ thống được vận hành tốt nhất, công tác vệ sinh cống rãnh, nạo vét được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch định kỳ hàng năm đã được phê duyệt.

☞ Ký hợp đồng với các đơn vị chuyên nghiệp thu gom chất thải lỏng lẫn dầu để xử lý đúng theo quy định của các cơ quan chức năng.

Bảo vệ môi trường – An toàn lao động - An ninh – PCCC

☞ Công ty đã thiết lập cơ chế kiểm tra, kiểm soát dưới sự giám sát của bộ phận Quản lý rủi ro và các phòng ban chức năng tại mỗi đơn

vị nhằm đôn đốc, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về an toàn trong lao động, vận hành cảng biển, hàng hải, PCCC; xử lý chất thải, nước thải phù hợp theo quy định, sử dụng tiết kiệm nhiên nguyên liệu trong quá trình vận hành thiết bị, khai thác tàu, trồng cây xanh tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp cho các công trình, bến bãi, nhà kho...

☞ Thuê các đơn vị chuyên nghiệp thu gom quét dọn vệ sinh môi trường trên bãi, kho và tập kết vào các khu rác thải riêng. Phân loại các chất thải sinh hoạt, nguy hại theo từng mức và dán nhãn rõ ràng để thuận tiện thu gom, xử lý đúng theo quy định.

☞ Thường xuyên làm việc với Trung tâm quan trắc môi trường để khảo sát, đo đạc, phân tích các thông số môi trường và lập báo cáo quan trắc môi trường theo định kỳ.

☞ Sử dụng các dịch vụ với các công ty chuyên nghiệp về ứng phó sự cố tràn dầu.

☞ Lựa chọn các công ty chuyên nghiệp về thu gom chất thải lỏng lẫn dầu.

☞ Tuân thủ các quy trình về bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

☞ Hướng đến xây dựng cảng xanh (Eco-Port) trong những năm qua và tiếp tục hoàn thiện trong những năm tới.

☞ Sử dụng hiệu quả tài sản, triển khai tránh lãng phí thông qua việc thực hành 5S, chuẩn hóa quy trình vận hành (SOP), tuân thủ các chỉ tiêu đánh giá, đo lường (KPI).

☞ Chủ động tối đa trong PCCC; Thiết lập các hệ thống PCCC tại chỗ và di động.

☞ Về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), tại mỗi đơn vị, công ty bố trí cán bộ phụ trách an toàn lao động. Cán bộ ATVSLĐ có trách nhiệm hàng ngày phải đi kiểm tra, giám sát, nhắc nhở, đôn đốc việc thực hiện nội quy lao động và quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động mà công ty đã ban hành; hàng tháng thực hiện báo cáo định kỳ về công tác ATVSLĐ.

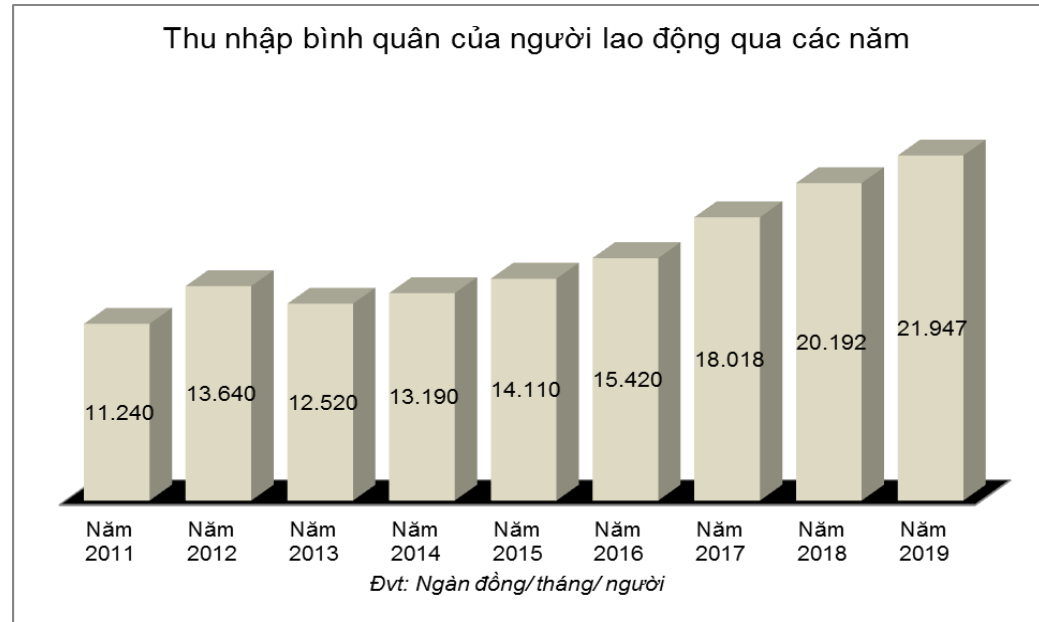
☞ Thực hiện khám sức khỏe định kỳ và mua bảo hiểm sức khỏe cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

☞ Cấp phát trang bị bảo hộ lao động và đồng phục hàng năm theo quy định.

☞ Tổ chức tập huấn về ATVSLĐ hàng năm và theo nhu cầu cho người lao động.

☞ Thực hiện báo cáo tổng hợp về tình hình tai nạn lao động đến cơ quan chức năng theo quy định.

☞ Quy trình để phòng ngừa và hạn chế tối đa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.



Chính sách liên quan đến người lao động

Điều kiện làm việc:

Người lao động được trang bị đầy đủ các công cụ, dụng cụ làm việc, bảo hộ lao động cũng như được huấn luyện về an toàn lao động để làm việc an toàn hiệu quả hơn.

Chăm lo sức khỏe, chế độ du lịch:

Cán bộ công nhân viên được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại các cơ sở y tế chất lượng cao.

Các bữa ăn trưa cho cán bộ công nhân viên đủ dinh dưỡng, đa dạng khẩu phần và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Có chế độ nghỉ du lịch hàng năm được hưởng nguyên lương và hỗ trợ chi phí du lịch theo thâm niên làm việc.

Chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên:

Từ khi thành lập đến nay, PDN vẫn luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên thông qua việc tặng quà trong dịp Lễ, Tết, chi hiếu hỷ, thăm hỏi khi ốm đau, hỗ trợ cán bộ công nhân viên gặp khó khăn, quà tặng dịp Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi hoặc Tết Trung thu. Ngoài ra, đối với các cán bộ công nhân viên nữ, công ty cũng đã quan tâm tặng quà và chúc mừng nhân dịp các ngày Lễ 8-3 và 20-10.

Thu nhập của người lao động:

Với chính sách thu nhập không cào bằng, toàn thể cán bộ công nhân viên đều có thêm động lực làm việc, luôn nỗ lực không ngừng để

sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc. Chính nhờ sự phấn đấu này, hiệu quả kinh doanh của năm 2019 đã có sự tăng trưởng tích cực và thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên cũng tăng trưởng tương ứng.

Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, chính sách về lao động đào tạo nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo chú trọng quan tâm nên công ty luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CB-CNV. Bên cạnh đó, với các chính sách phù hợp này PDN cũng là nơi thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài.

Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức **14** khóa huấn luyện đào tạo nghiệp vụ cho **88** lượt CB-CNV tham gia, trong đó bao gồm: Khóa quản trị hệ thống mạng; Anh văn chuyên ngành; Tập huấn chính sách quyết toán thuế; Kiểm soát chi phí hiệu quả & Quản trị rủi ro; Truyền thông nội bộ; v.v...

Thông tin minh bạch và tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan

PDN luôn chú trọng, chủ động tuân thủ các quy định về công bố thông tin của UBCKNN, Sở GDCK và các bên hữu quan. Bên cạnh đó, PDN luôn tích cực cập nhật thường xuyên, kịp thời và đầy đủ thông tin đến Quý cổ đông, nhà đầu tư về các hoạt động sản xuất kinh doanh, tin thị trường, cởi mở trong các cơ hội hợp tác thông qua nhiều kênh khác nhau: Đại hội cổ đông thường niên, hội thảo, hội nghị, thông qua website công ty, trên các kênh truyền thông, qua hình thức gặp mặt trực tiếp, email, thư từ...

Ở phương diện khách hàng, đây là một trong những yếu tố then chốt đối với sự phát triển của PDN. Theo đó, công tác chăm sóc khách hàng luôn được PDN chú trọng thực hiện thông qua việc nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ, thiết lập hệ thống liên lạc thuận tiện đến các phòng ban, bộ phận và cán bộ phụ trách... Với những nỗ lực cải tiến không ngừng nghỉ, công tác chăm sóc khách hàng đã được khách hàng đánh giá khá cao. Các ý kiến góp ý, đề nghị từ phía khách hàng luôn được PDN lắng nghe và phản hồi một cách trân trọng, mọi yêu cầu, thắc mắc của khách hàng cũng đều được đáp ứng tối đa và kịp thời.

Đối với PDN, con người là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành bại và làm nên sự khác biệt của PDN. Vì thế, đối với người lao động, PDN luôn sẵn sàng lắng nghe những tâm tư nguyện vọng, cởi mở trong trao đổi, thực hiện các chương trình khảo sát lấy ý kiến rộng rãi của người lao động, qua đó có những điều chỉnh chính sách kịp thời. Công đoàn công ty đã và đang làm tròn trách nhiệm là cầu nối quan trọng giữa người lao động và Ban lãnh đạo công ty. Mọi giải pháp tối ưu được đưa ra đều dựa trên sự đồng thuận cao, giúp người lao động an tâm công tác, tận tâm cống hiến, phát triển bản thân, tạo nên giá trị bền vững cho gia đình, công ty và xã hội.

Với những gì đã thực hiện, năm 2019 PDN được Forbes Việt Nam vinh danh trong **Top 50** doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam. Danh hiệu này đã một lần nữa phản ánh tính trung thực và khẳng định sự lớn mạnh về uy tín và niềm tin mà cộng đồng, doanh nghiệp và nhà đầu tư dành cho PDN.



Cam kết với các bên liên quan

1. Đối với nhà nước

- Phát huy tinh thần dân tộc, tiên phong trở thành doanh nghiệp kiểu mẫu trong ngành Khai thác cảng và Logistics Việt Nam;
- Tuân thủ các chính sách, pháp luật và quy định của Nhà nước đối với các lĩnh vực ngành nghề của công ty;
- Phát triển mạnh kinh doanh để góp phần tích cực vào ngân sách;
- Đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- Thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định.

2. Đối với cổ đông, nhà đầu tư

- Đảm bảo quyền lợi chính đáng và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông, nhà đầu tư;
- Chủ động thực hiện các báo cáo và công bố thông tin theo quy định;
- Cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch và đầy đủ; Tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư tìm hiểu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Đối với khách hàng, đối tác

- Lấy chất lượng dịch vụ làm trọng tâm phát triển sản xuất, kinh doanh;
- Mang đến cho khách hàng, đối tác những giải pháp, dịch vụ tối ưu và vượt trội;
- Giữ vững các cam kết với khách hàng, đối tác, đồng hành cùng phát triển.

4. Đối với cán bộ công nhân viên

- Chung tay cùng xây dựng một môi trường làm việc tốt, chuyên nghiệp và đáng tự hào dựa trên giá trị cốt lõi và các nguyên tắc văn hóa tối thượng;
- Hoàn thiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi... khuyến khích sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thành công trong công việc và hạnh phúc trong cuộc sống;
- Xây dựng đội ngũ kế thừa xứng đáng ở tất cả các cấp, chuẩn bị cho sự tăng tốc phát triển trong các năm tiếp theo, bền vững và trường tồn.

5. Đối với cộng đồng xã hội

- Chia sẻ trách nhiệm xã hội;
- Chung tay vì lợi ích cộng đồng;
- Góp phần bảo vệ môi trường;
- Thu hút và tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động trên khắp các tỉnh thành trong cả nước, góp phần chung tay xây dựng Dân giàu, Nước mạnh.

Các danh hiệu tiêu biểu qua các năm



THÀNH TÍCH

Những nỗ lực không mệt mỏi của PDN trong suốt hành trình dài 30 năm qua đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai và xã hội nói chung ghi nhận và trao tặng nhiều phần thưởng cao quý.





NĂM 2001: PDN vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng

NĂM 2002: PDN nhận cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Đồng Nai

NĂM 2008: PDN vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng

NĂM 2010: PDN đạt Danh hiệu "Điển hình tiên tiến phong trào thi đua yêu nước" tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2005-2010

NĂM 2015: PDN đạt Danh hiệu "Điển hình tiên tiến phong trào thi đua yêu nước" tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2014

NĂM 2016: PDN vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng

NĂM 2018: PDN được tôn vinh trong bảng xếp hạng "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động năm 2018" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức xếp hạng

NGÀY 21/3/2019 PDN được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai"

LIÊN TỤC TỪ 2012 -2018 PDN nhận Cờ thi đua xuất sắc tỉnh Đồng Nai.



88 PDN 30

PHẦN III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



MỘT THƯƠNG HIỆU VẠN NIỀM TIN

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính và kinh tế
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Về sản xuất kinh doanh

Điều kiện kinh doanh năm 2019 bị tác động nhiều từ thị trường khu vực dẫn đến nhiều xáo trộn đột biến trong xuất nhập khẩu, sản lượng. Trong nước, những thay đổi chính sách về môi trường đã có tác động lớn đến việc kiểm soát hàng nhập khẩu; sản lượng qua cảng; vấn đề luồng lạch bồi lắng; phí xếp dỡ dịch vụ; tính cạnh tranh ngày càng cao trong lĩnh vực Logistics đã ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu sản lượng của PDN. Tuy nhiên nhờ nhiều biện pháp mạnh, linh hoạt mà các hoạt động kinh doanh chính của PDN đều có sự tăng trưởng tốt.

Năm 2019, PDN đã hoàn thành vượt mức 2 chỉ tiêu quan trọng trong doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể, doanh thu đạt 748.508 triệu đồng, vượt 11,5% so cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế đạt 151.694 triệu đồng, vượt 22,2% so cùng kỳ. Về mặt khai thác chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics, đã có nhiều bước phát triển mới về cách thức tổ chức, gia tăng lượng khách hàng và thị trường góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng của PDN.

Phân tích doanh thu, lợi nhuận

Năm 2019, doanh thu thuần của PDN đạt 741.538 triệu đồng. Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2019 vượt 17,6% so với kế hoạch, vượt 22,2% so với năm 2018. Trong năm 2019, PDN đã luôn chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, nỗ lực phát triển khách hàng, thị phần và tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hoạt động để hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng Cổ đông giao, đồng thời tạo đà cho tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo

Trách nhiệm

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu được giao và lập Báo cáo tài chính theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật của Công ty nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết

quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng giám đốc phải:

- ☞ Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ☞ Thực hiện các xét đoán và ước tính hợp lý và thận trọng;
- ☞ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- ☞ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- ☞ Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KINH TẾ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản

Cuối năm 2019, giá trị tổng tài sản của Công ty là **934.896** triệu đồng, tăng đến 10,41% so với năm 2018. Trong đó, tài sản ngắn hạn có giá trị **301.482** triệu đồng, chiếm 32,24% trong cơ cấu tài sản. Các khoản tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng 22,97% trong tổng tài sản, vượt 44,57% so với năm 2018. Các khoản phải thu khách hàng tăng 9,44% so với năm 2018. Đến cuối kỳ các khoản này chiếm tỷ trọng 9,05% trong tổng tài sản.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ, giá trị hàng tồn kho của Công ty luôn nằm ở mức rất thấp, chiếm 0,07% trong tổng tài sản.

Giá trị tài sản dài hạn cuối năm là **633.413** triệu đồng, tăng 3,35% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 67,76% trong tổng tài sản, trong đó phần lớn là tài sản cố định chiếm 41,85%.

(Đvt: Triệu đồng)

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	421.917	517.500	666.518	741.538
Giá vốn hàng bán	287.688	365.102	466.518	511.019

Nợ phải trả

Năm 2019 là năm Công ty đẩy mạnh đầu tư và sửa chữa vào các dự án mở rộng và nâng cấp hệ thống cầu cảng, kho bãi, nhà văn phòng. Nguồn vốn được Công ty ưu tiên sử dụng trong thời điểm hiện tại là vốn vay từ bên ngoài do mức độ đòn bẩy tài chính các năm trước ở mức thấp, tổng giá trị vay nợ ngắn hạn và dài hạn là **373.148** triệu đồng, đạt 99% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng **39,91%** trong cơ cấu nguồn vốn.

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng trưởng 19,55% so cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 22,22% so cùng kỳ do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng tốt

Năm 2019 do quản lý chi phí hiệu quả, PDN đã đạt được kết quả kinh doanh vượt sự mong đợi, cụ thể:

Về Doanh thu:

Tổng doanh thu thuần cung cấp dịch vụ đạt 741.538 triệu đồng tăng 11,25% so với năm 2018 nhờ vào việc cải tiến hiệu quả chất lượng hoạt động kinh doanh và khai thác triệt để công năng các bến tàu

Chi phí bán hàng	12.339	15.473	14.699	20.020
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.494	38.672	44.389	46.045
Chi phí lãi vay	19.485	18.918	21.070	19.710
Chi phí tài chính không gồm lãi vay	261,7	3,6	37,3	8,6
Tỷ lệ so với doanh thu thuần				
Doanh thu thuần	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Giá vốn hàng bán	68,19%	70,55%	69,98%	68,91%
Chi phí bán hàng	2,92%	2,99%	2,21%	2,70%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,89%	7,47%	6,66%	6,21%
Chi phí lãi vay	4,62%	3,66%	3,16%	2,66%
Chi phí tài chính không gồm lãi vay	0,062%	0,001%	0,006%	0,001%

Những thay đổi và biến động lớn về chiến lược kinh doanh:

Năm 2019 có thể nói là năm ấn tượng của kinh tế Việt Nam với các điểm nhấn về hội nhập kinh tế quốc tế khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực sau nhiều năm đàm phán. Đây cũng là năm kinh tế Việt Nam đã có sự tăng trưởng ấn tượng; hoạt động xuất nhập khẩu đạt giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, đồng thời lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt qua các năm. Với những nỗ lực trong cải cách, kiến tạo một môi

hiện hữu.

Về Lợi nhuận:

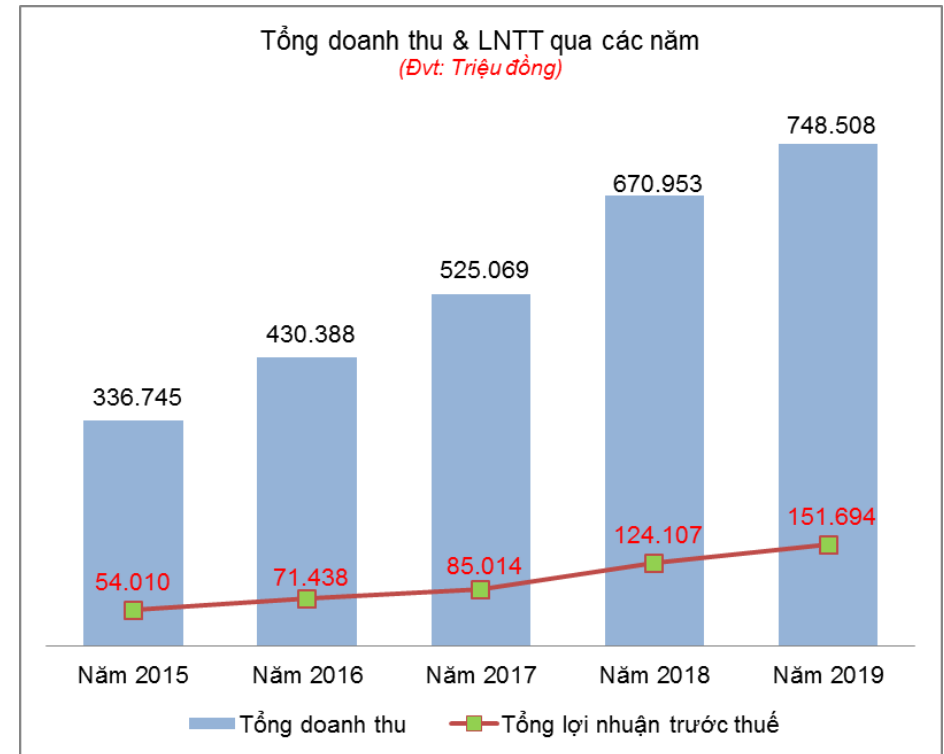
Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 136.575 triệu đồng, tăng 22,22% so với năm 2018 và vượt 17,6% so với chỉ tiêu kế hoạch 2019. Lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch do lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh chính và hiệu quả tích cực từ hoạt động đầu tư vào các công ty liên kết, các chỉ tiêu chi phí đều giảm so cùng kỳ.

trường kinh doanh ngày càng bình đẳng, minh bạch hơn của Chính phủ, Việt Nam tiếp tục được hy vọng sẽ trở thành một trong những điểm sáng nổi bật về tăng trưởng của khu vực Châu Á. Logistics theo đó đã trở thành một trong những ngành dịch vụ hấp dẫn trong thời gian qua. Cùng với sự mở cửa hội nhập của nền kinh tế, môi trường đầu tư thông thoáng và sức hút từ sự lớn mạnh của các doanh nghiệp trong nước, hoạt động đầu tư thông qua M&A của các doanh nghiệp nước ngoài đã trở nên sôi động và hấp dẫn hơn bao giờ hết.

Trong năm PDN đã hợp tác với nhiều đối tác để mở rộng mạng lưới trung tâm phân phối trong Nam ngoài Bắc, sáng tạo đa dạng hóa và chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp đến quý khách hàng. Kết thúc năm, PDN đã vinh dự đón nhận danh hiệu “*doanh nghiệp xuất sắc*”, đồng thời Chủ tịch HĐQT của PDN được khen thưởng danh hiệu “*doanh nhân xuất sắc*” lần thứ VII năm 2019 do UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng.

Trong lĩnh vực khai thác cảng, PDN tiếp tục đầu tư mở rộng dự án Cảng Đồng Nai và tiếp tục hoàn thiện thủ tục đấu thầu và đầu tư nâng công suất bến tàu 30.000DWT mới tại khu vực Gò Dầu, góp phần nâng tầm năng lực khai thác cảng của PDN trong những năm tiếp theo, tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc trên bản đồ khai thác cảng Việt Nam.

Đứng vững trước những thách thức, thay đổi và biến động rất nhanh của thị trường, PDN luôn nắm bắt, phát huy tốt các cơ hội, tập trung, cố gắng hạn chế thấp nhất các rủi ro và kiên định với mục tiêu chiến lược đã được đặt ra, năm 2019, PDN đã gặt hái được những thành quả rất tích cực, tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu của một thương hiệu Việt đầy tự hào đang tiến nhanh và ngày càng mạnh mẽ trên chặng đường phát triển phía trước.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Luôn kiên định với Tầm nhìn trở thành doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Logistics và khai thác cảng, PDN luôn xác định nguồn nhân lực chính là yếu tố then chốt quyết định sự thành công và phát triển. Do đó, PDN đã tìm hiểu và tích cực triển khai cải tiến, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, điều hành để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Dưới đây là liệt kê những thay đổi chính liên quan đến cơ cấu tổ chức và quản lý, điều hành của PDN trong năm 2019:

Về cơ cấu tổ chức:

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019, PDN đã tích cực triển khai các công việc sau:

- ✓ Phát triển các chính sách để xây dựng nguồn nhân lực tốt đáp ứng sự phát triển các dự án.
- ✓ Phát huy tối đa nguồn lực hiện hữu và đào tạo đội ngũ quản lý chất lượng cao.
- ✓ Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Về chính sách quản lý điều hành:

- ✓ **Quản trị tập trung:** Tiếp tục triển khai mạnh mẽ và sâu rộng công tác quản trị tập trung tại PDN các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự - tiền lương, quản lý rủi ro, mua sắm, pháp chế, công nghệ thông tin. Mô hình này sẽ tập trung các nguồn lực, tạo sức mạnh tổng hợp, mang lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp. Việc quản lý tập trung để Công ty tối đa hóa nguồn lực chất lượng cao và đồng thời giúp các đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh có điều kiện tập trung vào nhiệm vụ chính.
- ✓ **Công nghệ thông tin:** Tiếp tục tập trung phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua

việc triển khai các phần mềm quản trị nhân sự, tiền lương, phần mềm Văn phòng điện tử (Portal), phần mềm khai thác cảng, phần mềm khai báo Hải quan.

- ✓ **Chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:** Công ty đã chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tinh hoa của PDN thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng chăm sóc khách hàng.

Nâng cao năng suất lao động: thực hiện nhiều giải pháp nhằm phát triển bền vững nguồn nhân lực thông qua tổng hòa các yếu tố vật chất và phi vật chất theo nguyên tắc thu nhập phải gắn với hiệu quả công việc, thực hiện tái cấu trúc nguồn nhân lực, tinh giảm lao động phổ thông thay bằng lao động thuê ngoài để đảm bảo thu nhập tốt nhất cho người lao động. Bên cạnh đó, PDN cũng đã thực hiện tốt các chính sách phúc lợi, bảo hiểm phù hợp để thu hút và giữ chân nguồn nhân sự tốt, lành nghề, nhiệt tình đóng góp vào sự phát triển chung của PDN

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ✓ **Về tăng trưởng:** Mục tiêu tăng trưởng cao về lợi nhuận của hoạt động Logistics và Khai thác cảng giai đoạn sau năm 2020.
- ✓ **Về quản trị:** Quản trị công ty theo các ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tiếp tục phát huy thế mạnh quản trị tập trung các phòng ban chức năng.
- ✓ **Về nhân lực:** Xây dựng bộ máy nhân sự mạnh, chuyên nghiệp, phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp và đáp ứng tốt cho sự phát triển của PDN và thắm nhuần văn hóa PDN; chuẩn hóa chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ; gắn liền đãi ngộ với các KPI, tinh thần kỷ luật và trách nhiệm.
- ✓ **Về công nghệ:** Ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ **Về tài lực:** Tối ưu hóa tài sản

✓ **Về sản xuất kinh doanh:** Đẩy mạnh tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi theo hướng tăng cường hợp tác, đầu tư mạnh cả chiều rộng và chiều sâu, phát triển thêm dịch vụ mới, thị trường mới, khách hàng sử dụng dịch vụ chuỗi và tiếp tục nghiên cứu cải thiện các lĩnh vực đầu tư không hiệu quả và không thuộc lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Để thực hiện tốt Tầm nhìn và Sứ mệnh mà HĐQT giao phó, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra phương hướng hành động trong năm 2020 và kết thúc giai đoạn 5 năm (2016 - 2020), Cảng Đồng Nai cần đặc biệt chú trọng đến việc:

Giữ chân các khách hàng hiện hữu có sản lượng lớn, tập trung vào khai thác thông tin thị trường từ đó xây dựng các phương án triển khai dịch vụ cho khách hàng.

Tiếp cận các khách hàng mục tiêu, tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu phù hợp với khả năng cung cấp dịch vụ của Cảng, đánh giá các yếu tố thuận lợi và khó khăn từ đó có các biện pháp thu hút khách hàng về sử dụng dịch vụ do cảng cung cấp.

Nâng cao năng lực tiếp nhận tàu, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, cải thiện chất lượng thiết bị xếp dỡ nhằm nâng cao năng lực giải phóng tàu, triển khai các chương trình cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng sự hài lòng của khách hàng đối với các dịch vụ cảng cung cấp.

Tối ưu hóa hiệu quả của hoạt động khai thác và cung cấp dịch vụ hiện hữu và chi phí đối với các dịch vụ hiện đang cung cấp nhằm mang lại lợi thế về mặt chi phí cho Cảng trong việc cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.

Mở rộng phạm vi và quy mô của dịch vụ Logistics nhằm đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng; từng bước xây dựng phong cách làm việc

chuyên nghiệp thông qua việc cung cấp dịch vụ chọn gói cho khách hàng; phát triển năng lực nhân viên từ đó xây dựng và triển khai thêm các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Giải pháp thực hiện

Giải pháp trong hoạt động kinh doanh

Tiếp cận thị trường mục tiêu, tiếp cận các khách hàng tiềm năng, đánh giá, phân tích nhu cầu khách hàng, từ đó tận dụng tất cả các nguồn lực bên trong và bên ngoài để mở rộng thị trường, kết hợp hoạt động với các hiệp hội, công ty Fowarder và các công ty vận tải để gia tăng khả năng mở rộng khách hàng mới.

Xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp trong từng phân khúc và áp dụng chính sách chăm sóc khách hàng theo từng phân khúc.

Xây dựng, chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ đối với các nhà thầu, tăng năng suất xếp dỡ, thường xuyên đánh giá dịch vụ nhà thầu cung cấp cho cảng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ Cảng cung cấp cho khách hàng.

Tìm kiếm và áp dụng các biện pháp quản lý dịch vụ cung cấp dịch vụ bằng hệ thống công nghệ thông tin.

Công ty cũng đẩy mạnh triển khai các hoạt động mở rộng thị trường bằng cách quảng bá hình ảnh Cảng Đồng Nai, thương hiệu uy tín Cảng Đồng Nai thông qua các phương tiện truyền thông, quảng cáo trên các tạp chí chuyên ngành, các hiệp hội có liên quan.

Giải pháp trong hoạt động sản xuất

Tiếp tục cải thiện quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Xây dựng và áp dụng quản lý bằng phần mềm các hoạt động của Cảng nhằm minh bạch hóa và chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm soát doanh thu và chi phí của Cảng, giảm thời gian thống kê, phân tích tổng hợp và đánh giá hoạt động của các bộ phận kiểm soát. Tập trung các nguồn lực vào việc cải thiện hiệu quả của quy trình sản xuất. Tăng năng suất tác nghiệp cả hàng hóa tổng hợp và hàng container, phần đầu vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Đào tạo kỹ năng quản lý cho cán bộ quản lý cấp cơ sở, cập nhật và nâng cao tay nghề của công nhân vận hành thiết bị, chuẩn hóa các bước giao tiếp với khách hàng của bộ phận trực tiếp, nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng thái độ sẵn sàng phục vụ khách hàng và giải đáp các thông tin khi khách hàng có nhu cầu, chấn chỉnh tác phong và mức độ tuân thủ nội quy của công nhân và nhân viên.

Tăng cường năng lực điều phối của cấp quản lý trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhà thầu cũng như các vấn đề nảy sinh khác trong khu vực sản xuất.

Thường xuyên đánh giá chất lượng dịch vụ của các đơn vị nhà thầu cung cấp dịch vụ cho cảng để đảm bảo tính thống nhất (quy chuẩn) trong chất lượng dịch vụ, kịp thời cập nhật các yêu cầu thay đổi, cũng như giải quyết các vấn đề tiềm ẩn một cách kịp thời.

Bố trí hợp lý các thiết bị sản xuất nhằm gia tăng hiệu quả khai thác tài sản của Công ty.

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Lợi ích

a. Đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả kinh tế:

Từ ngày thành lập đến nay, PDN đã tích lũy khối tài sản lớn với doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng bền vững, ngay cả trong thời kỳ kinh tế suy thoái, khó khăn. Năm 2019 một lần nữa PDN hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHQĐĐ đề ra, góp phần nâng tổng giá trị tài sản của Công ty gần chạm mốc 1.000 tỷ đồng.

b. Đóng góp vào nền kinh tế Việt Nam:

Sau 30 năm phát triển, PDN ngày nay đã vươn mình lớn mạnh trở thành một trong những mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics Việt Nam. PDN đã và đang dần trở thành doanh nghiệp tiên phong trong nhiều lĩnh vực kinh tế, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để không ngừng phát triển.

⇒ Trong lĩnh vực khai thác cảng:

PDN bắt đầu hoạt động khai thác cảng từ cuối năm 2011. Khi hoàn thành các giai đoạn của các dự án, PDN sở hữu và khai thác tổng cộng 1076m cầu tàu, trong đó khu vực Cảng Long Bình Tân có 294m cầu tàu với công suất hàng năm lên đến 784 ngàn Teu container và hơn 1 triệu tấn hàng tổng hợp, riêng khu vực Cảng Gò Dầu có 782m cầu tàu với công suất 6,5 triệu tấn hàng tổng hợp, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ giao thương giữa các vùng kinh tế trong tỉnh Đồng Nai và khu vực.

Với kinh nghiệm và năng lực khai thác cảng, PDN đã, đang và sẽ trở thành sự lựa chọn hàng đầu của các hãng tàu lớn và các nhà xuất nhập khẩu trong địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận, dần vươn xa hơn đến các khu vực trong nước và quốc tế.

⇒ Trong lĩnh vực Logistics:

Đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng là tiền đề thuận lợi cho phát triển ngành Logistics tại Việt Nam. Trong đó, PDN - một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành với lợi thế chuỗi dịch vụ đa dạng, tích hợp đã và đang đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Sự tích hợp giữa trung tâm phân phối với các đội tàu, phương tiện vận tải bộ... đã từng bước hoàn chỉnh chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics của PDN tại các vùng kinh tế sôi động.

Có thể nói, PDN là một trong những đơn vị phát triển tại Việt Nam có thể phục vụ đa dạng các loại hàng hóa khác nhau, từ hàng rời đến hàng container, các loại hàng hóa siêu trường siêu trọng phục vụ cho các dự án của đất nước. PDN đã và đang ngày đêm thực hiện sứ mệnh quan trọng, cất lên tiếng nói của một thành viên tích cực và đầy trách nhiệm trong các hiệp hội, góp phần thúc đẩy dòng chảy kinh tế của đất nước.

c. Mang lại giá trị, lợi ích cho các bên liên quan:

Đóng góp vào ngân sách Nhà nước: PDN là một trong những doanh nghiệp đóng góp nhiều vào ngân sách quốc gia, cụ thể trong năm 2019, công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế **45.283** triệu đồng.

Góp phần thúc đẩy xuất nhập khẩu của Việt Nam: PDN cung cấp các dịch vụ cảng và chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics hiệu quả với chi phí hợp lý, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong giai đoạn hội nhập kinh tế toàn cầu.

Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước: Tăng cường mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia láng giềng và trong khu vực mà PDN đang có mối quan hệ đối tác.

Lợi ích kinh tế cho Cổ đông: Bên cạnh việc đóng góp cho xã hội và cho ngành, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của một doanh nghiệp là gia tăng lợi ích kinh tế cho Cổ đông và các bên liên quan.

PDN đã thực hiện chi trả cổ tức, tăng vốn cổ phần cho các Cổ đông của công ty theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi ích đối với người lao động: Tổng chi phí tiền lương đã chi cho cán bộ công nhân viên công ty trong năm 2019 đạt **69** tỷ đồng và phát triển các chương trình chính sách phúc lợi tốt cho người lao động. PDN đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo quy định giúp người lao động yên tâm công tác.

Lợi ích cho khách hàng, đối tác: Thông qua việc thực hiện tốt các KPI cam kết với khách hàng, đảm bảo hàng hóa được xếp dỡ, lưu trữ, vận chuyển và phân phối an toàn, đúng số lượng, đúng chất lượng và đúng thời gian cam kết.

Trách nhiệm

Đối với môi trường

Ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, duy trì cảnh quan xanh - sạch - đẹp và thu hút giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương.

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế sở tại là những tiêu chí hàng đầu của PDN bên cạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội

Trong ba thập kỷ hình thành và phát triển, PDN đã xây dựng và sở hữu một nguồn nhân lực quý báu gồm gần 270 con người đang ngày đêm cống hiến, toàn tâm toàn ý vì một mục tiêu chung, cùng đưa công ty ngày càng phát triển. Hiện thực hóa tầm nhìn của PDN còn có sự đóng góp, hỗ trợ quý báu từ cộng đồng chung quanh bao gồm các cổ đông, khách hàng, đối tác cùng các cơ quan ban ngành và nhiều thành phần khác trong xã hội. Thành tựu đạt được của PDN trong những năm qua là một nguồn động viên to lớn để toàn thể cán bộ

công nhân viên công ty luôn hướng về phía trước với tâm thế tự tin và tinh thần trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

1/ Chế độ đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố cốt lõi, quyết định và tạo sự khác biệt, đóng góp cho thành công trong kinh doanh của PDN. Thật vậy, người lao động đã nhận được sự đãi ngộ hợp lý thông qua các chế độ, chính sách, được công hiến trong môi trường làm việc cởi mở, bình đẳng, kỷ luật, chuyên nghiệp với văn hóa công ty hình thành từ những ngày đầu khởi nghiệp. Qua đó, đời sống của gia đình người lao động cũng ngày càng được quan tâm và cải thiện đáng kể.

Tính tuân thủ của PDN theo các quy định của luật lao động, các quy chế quản lý của sở ban ngành địa phương đã được đánh giá cao thông qua kết quả thanh/ kiểm tra hàng năm. Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho cá nhân, thân nhân và các chương trình phúc lợi đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời tạo sự phấn khởi và an tâm công tác.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, người lao động luôn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn thể mỹ, thể dục thể thao của công ty và của ngành, giúp tăng cường tinh đoàn kết, giao lưu trong cộng đồng.

2/ Trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ

Thực tế đã chứng minh chính thái độ cầu thị, tận tâm, chuyên nghiệp, hợp tác, chia sẻ trên nền tảng đôi bên cùng có lợi mới là yếu tố then chốt gắn kết khách hàng, đối tác với PDN cả những khi thuận lợi lẫn những lúc khó khăn.

PDN đã không ngừng tạo nên sự khác biệt và vượt trội trong cung ứng dịch vụ cho khách hàng. Bên cạnh đó, dịch vụ chăm sóc khách hàng, chính sách hậu mãi cũng luôn được PDN chú trọng, mang lại sự hài lòng và ủng hộ quý báu của khách hàng dành cho PDN.

3/ Mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông

Cổ đông chính là người chủ thật sự của công ty. Vì vậy, nhiệm vụ hàng đầu của doanh nghiệp chính là mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông và các bên hữu quan, những nhà đầu tư luôn sát cánh và đồng hành cùng công ty trong suốt quá trình phát triển.

4/ Trách nhiệm đối với cộng đồng

PDN cam kết về phát triển bền vững, không những duy trì môi trường phát triển kinh doanh minh bạch, ổn định mà còn thể hiện trách nhiệm đối với xã hội, chung tay chia sẻ vì cộng đồng.

Với việc tăng trưởng sản xuất kinh doanh hàng năm, PDN đã tạo ra công ăn việc làm cho nhiều lao động và đóng góp cho ngân sách quốc gia. Hơn thế nữa, PDN đã cùng chung tay chia sẻ vì cộng đồng, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa đầy tinh nhân văn, góp phần xoa dịu nỗi đau của các mảnh đời không may trong xã hội.

Trách nhiệm với cộng đồng là một nét đẹp trong văn hóa của PDN. Các công tác thiện nguyện trở thành chương trình hành động. Theo đó, các chương trình học bổng cho sinh viên nghèo hiếu học, thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật, bệnh nhân tâm thần và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, chiến sỹ vùng biển đảo... đã giúp PDN chia sẻ trách nhiệm với xã hội nhiều hơn.

Tham gia các chương trình thiện nguyện đã mang lại những bài học nhân văn sâu sắc, thấm nhuần đạo lý “lá lành đùm lá rách” trong mỗi con người PDN.

d. Hướng đến chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trong năm 2020 và những năm tiếp theo, đất nước đứng trước những vận hội và thách thức mới trong bối cảnh thế giới có nhiều chuyển

biến sâu sắc về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học và công nghệ, toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên PDN quyết tâm nỗ lực cao nhất theo đuổi chiến lược phát triển bền vững với các mục tiêu:

- ☞ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi là Khai thác cảng và Logistics
- ☞ Tăng cường tích hợp và hợp tác sâu rộng với các đối tác chiến lược để hợp lực cùng phát triển.
- ☞ Xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và đáng tự hào dựa trên giá trị cốt lõi và nguyên tắc văn hóa tối thượng.
- ☞ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, chính sách phát triển đội ngũ chuyên gia nội bộ và đội ngũ kế thừa xứng đáng.

5/ Chiến lược đối với nguồn cung cấp

Mở rộng danh sách các nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ nhằm tạo ra sự linh hoạt, chủ động trong việc lựa chọn dịch vụ vận tải thủy bộ tốt nhất cung cấp cho khách hàng, đồng thời gia tăng khả năng thương lượng chi phí hợp lý với nhà cung cấp dịch vụ, lựa chọn công nghệ phù hợp để đảm bảo khả năng khai thác tối đa hiệu quả của việc đầu tư.

Liên kết và mở rộng chuỗi dịch vụ với các đơn vị có thế mạnh về vận tải để khai thác thêm thị trường không phải thế mạnh của PDN, đáp ứng kịp thời và linh hoạt các nhu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường hoạt động. Về mặt dài hạn, chiến lược này sẽ gia tăng sự nhận biết thương hiệu PDN trong nhận thức của khách hàng, tích lũy kinh nghiệm, tạo tiền đề để PDN phát triển thành một nhà cung cấp dịch vụ Logistics chuẩn mực.

- ☞ Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, khai thác và chất lượng dịch vụ.
- ☞ Tối ưu hóa quy trình sản xuất và hiệu quả hoạt động.
- ☞ Mang đến cho khách hàng, đối tác, quý vị Cổ đông, cán bộ công nhân viên và các bên hữu quan những giá trị gia tăng bền vững.
- ☞ Đóng góp tích cực cho xã hội, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam

Đa dạng hóa các nguồn lực cung cấp cho sản xuất để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, với chiến lược thuê ngoài những gì không phải là thế mạnh của mình, PDN đã xây dựng được hệ thống các nhà cung cấp thiết bị, phương tiện vận chuyển thủy, bộ, nhân công sản xuất để đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ trọn gói của khách hàng.

Xây dựng tiêu chuẩn cho các nhà cung cấp dịch vụ, thường xuyên đánh giá, hiệu chỉnh các tiêu chuẩn này cho phù hợp với nhu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao của khách hàng; đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng theo đúng các cam kết đã thống nhất và ký kết với khách hàng.

Phát triển thêm các nhà cung cấp dịch vụ và công nhân xếp dỡ để đa dạng hóa và đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thông suốt và hiệu quả; đầu tư thêm các thiết bị xếp dỡ chủ lực nhằm nâng cao năng suất và an toàn lao động; chủ động khai thác tối đa cơ sở hạ tầng trong Công ty.

6/ Chiến lược kinh doanh

PDN chú trọng đến việc kinh doanh xoay quanh giá trị cốt lõi của Công ty: Khai thác cảng, kinh doanh dịch vụ Logistics. Việc mở rộng phạm vi kinh doanh đảm bảo đúng các tiêu chí về giá trị cốt lõi và lợi thế của PDN.

Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh nhằm gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải là thế mạnh của Công ty và linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Tính đến nay, PDN đã có nguồn vốn điều lệ 185 tỷ đồng. Đặc biệt, kể từ năm 2018 PDN đã kết nối thành công vào hệ thống thông quan điện tử một cửa Quốc gia, Đội nghiệp vụ 2 - Chi cục Hải quan Biên Hòa được thành lập và hoạt động hiệu quả tại Cảng.

Với mục tiêu cùng phát triển ngành Logistics trong nước và trên trường quốc tế, những năm qua, PDN đã nỗ lực xây dựng nền móng bằng uy tín, chất lượng dịch vụ, PDN đã và đang đón nhận được sự tín nhiệm của nhiều khách hàng, đối tác trong nước và quốc tế. Hiện nay PDN đang hợp tác với các hãng tàu, chủ hàng lớn trong khu vực và thế giới và luôn nhận được sự hỗ trợ của họ như: Maersk Line, Gemadept, Yangming, APL, CMA_CGM, MSC, ... hầu hết các khách hàng này đều có mối quan hệ tốt đẹp và lâu dài với PDN. Điều này đã khẳng định về năng lực tốt, khả năng đáp ứng những tiêu chuẩn quốc tế trong cung cấp dịch vụ logistics của PDN.

☞ **Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu**

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng:

Quảng cáo trên các tạp chí, trang website của các Hiệp hội trong ngành Logistics

Tài trợ cho các chương trình phát sóng trong tỉnh

Ngoài ra, PDN cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ khó khăn, động viên tinh thần hiếu học của các em học sinh nghèo vùng sâu vùng xa, xây dựng nhà tình thương...

Trong năm qua, PDN tập trung nhiều vào công tác đẩy mạnh thương hiệu tại khu vực Đồng Nai, chăm sóc khách hàng, duy trì củng cố quan hệ với các Hiệp hội, Cơ quan ban ngành, đưa thông tin lên các báo tạp chí tiềm năng trong mảng xuất nhập khẩu như:

☞ Đưa hình ảnh, thương hiệu Cảng đến các báo, tạp chí tiềm năng trong mảng kinh tế xuất nhập khẩu như: Tạp chí Việt Nam Logistics Review, tạp chí Thương mại Hàng hải, báo Diễn đàn Doanh nghiệp, Hiệp hội đại lý môi giới Hàng hải, Báo Hải quan, v.v...

☞ Phối hợp tham gia các sự kiện tại Đồng Nai: Đưa hình ảnh Cảng đến các sự kiện tại khu vực Cảng Đồng Nai như Đối thoại doanh nghiệp FDI Đà Loan, Nhật Bản tại Đồng Nai, hội nghị của VCCI, hội nghị về Logistics tại Đà Nẵng.

☞ Giới thiệu hình ảnh, trưng bày brochure tại các khu công nghiệp trong khu vực Đồng Nai, các Công ty thành viên trực thuộc hệ thống của Tổng Công ty Sonadezi.

Dự kiến trong năm 2020, ngoài các việc duy trì các hoạt động đã được thực hiện trong năm 2019, PDN lên kế hoạch triển khai các hoạt động sau:

☞ Hệ thống hóa các hoạt động chăm sóc khách hàng bằng việc áp dụng công nghệ vào quản lý

☞ Duy trì việc thăm hỏi và tìm hiểu nhu cầu của khách hàng thường xuyên để nắm bắt và cân nhắc việc lôi kéo cũng như phát triển dịch vụ nhằm đáp ứng sự thay đổi về dịch vụ của khách hàng

☞ Triển khai hoạt động Digital Marketing nhằm thu thập thông tin khách hàng tiềm năng, từ đó có hướng tiếp cận và biện pháp triển khai bán hàng đạt hiệu quả

☞ Tổ chức nghiên cứu thị trường để đưa ra những định hướng mục tiêu thị trường phù hợp

☞ Tham gia các Hiệp hội, Trung tâm xúc tiến thương mại để nắm bắt các xu hướng hàng hóa, luồng luân chuyển và sản lượng hàng hóa lưu thông từ đó định hướng đầu tư các nguồn lực để khai thác tốt nguồn hàng mục tiêu.





NGƯỜI CỦA PDN

Chặng đường bước đến thành công của PDN trong 30 năm qua đã ghi nhận đóng góp quan trọng của đội ngũ CB-CNV. Trong đó, có nhiều người đã trở thành nhân vật tiêu biểu bởi niềm tin yêu và những dấu ấn đậm nét mà họ đặt vào PDN. Họ là những tấm gương về sự gắn bó tận tụy, hết mình vì công việc và luôn đóng góp những sáng kiến, giải pháp tối ưu, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động cho Công ty. Xin trân trọng giới thiệu ba trong số nhiều gương mặt tiêu biểu của PDN.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Kế hoạch và định hướng của HĐQT

Tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đánh giá cao sự điều hành linh hoạt, quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc để đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh tốt. Ban Tổng giám đốc cũng đã thực thi hiệu quả đối với các Nghị quyết của HĐQT, các biện pháp quản trị, tăng cường nguồn nhân lực, chú trọng đến khâu cán bộ, tổ chức Hội nghị khách hàng. Bên cạnh đó, các hoạt động về môi trường đã được triển khai tốt, công tác xã hội, cứu trợ được quan tâm kịp thời, mang lại lợi ích đích thực cả về vật chất và tinh thần đối với đồng bào có hoàn cảnh khó khăn ở nhiều vùng miền.

Trong năm qua Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm bảo vệ môi trường và tham gia nhiều hoạt động mang nhiều lợi ích cho xã hội.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các mặt quản trị nhân sự đồng bộ với các khâu sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy, tăng cường hoạt động Logistics và khâu Sales & Marketing của Công ty, thực hiện tốt công tác môi trường và xã hội, nâng cao uy tín và thương hiệu PDN trên thị trường.

Tuân thủ các quy định về quản trị công ty

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty nghiêm ngặt như:

- ☞ Tổ chức đại hội cổ đông theo quy định; sửa đổi bổ sung điều lệ sau khi tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- ☞ Tổ chức các phiên họp HĐQT; họp giao ban định kỳ; thực hiện tốt các quy định về lao động, chính sách lương thưởng, v.v...

☞ Việc công bố thông tin đã được thực hiện một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời tới các cơ quan quản lý nhà nước và cổ đông. Trang website: www.dongnai-port.com đã đưa nhiều tin bài phản ánh tình hình hoạt động của Công ty.

Đối với công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đền bù giải tỏa

Tổng mức chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và đền bù giải tỏa của Công ty thực hiện trong năm 2019 là **65,59** tỷ đồng. Trong đó:

Thực hiện công tác đền bù giải tỏa cho 45 hộ dân thuộc Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 là **21,05** tỷ đồng.

Đầu tư xây dựng cơ bản là **44,54** tỷ đồng, bao gồm các hạng mục đầu tư lớn như:

Tiếp tục mở rộng và nâng cấp hệ thống đường bãi, đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của cả 02 khu vực Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu, đồng thời mua sắm thêm thiết bị làm hàng container.

Triển khai đấu thầu thi công 07 gói thầu và mua sắm thiết bị 02 gói thầu. Cụ thể:

Khu vực Long Bình Tân

- Hoàn thành thi công 03 công trình lớn gồm Hệ thống thoát nước chung; Nâng cấp bãi container Long Bình Tân và Cầu cảng số 2 mở rộng.
- Hoàn thành mua sắm 01 thiết bị làm hàng container và đang mua sắm 01 cầu cố định để làm hàng tại cầu cảng
- Đang đầu tư san lấp tạo bãi với diện tích khoảng 1,5ha.

Khu vực Gò Dầu

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống đường bãi và cơ sở hạ tầng.

Đối với chủ trương tài chính

HĐQT đã phê chuẩn chấp thuận các chủ trương vay tăng thêm vốn trung hạn để phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

Trong năm 2019, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo bộ phận tài chính kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ và chức năng của đơn vị mình. Đối với công tác quản lý nguồn vốn luân chuyển, tình hình công nợ luôn được chú trọng theo dõi sát sao nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền và quản trị rủi ro, thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với công tác hoạch định đầu tư, các dự án đầu tư lớn trong năm đều được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cân đối giữa tính hiệu quả của dự án và chi phí sử dụng vốn, đảm bảo dòng tiền khả dụng kịp thời theo tiến độ xây dựng của dự án.

Phối hợp, hỗ trợ trong công tác công bố thông tin theo quy định của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đối với công tác tổ chức và nhân sự

Từ cuối tháng 3 năm 2019, HĐQT đã ký ban hành Nghị quyết/ Quyết định tái bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành có thời hạn đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời Ban Tổng giám đốc được kiện toàn nhân sự gồm 3 thành viên phụ trách các mảng hoạt động khác nhau.

Việc quản lý một số mảng quan trọng như tài chính, mua sắm trang thiết bị, nhân lực, công nghệ được tập trung quản lý bởi Ban Tổng giám đốc tạo nên sự chuyển biến mạnh, hỗ trợ tích cực cho Giám đốc các đơn vị tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

HĐQT tiếp tục duy trì các công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, đồng thời tăng cường các cuộc họp mở rộng với Ban Tổng

giám đốc và các đơn vị chủ chốt để nắm bắt và ban hành các chỉ đạo liên quan đến hoạt động toàn Công ty kịp thời, hiệu quả.

Đối với trách nhiệm môi trường và xã hội

Xây dựng môi trường làm việc năng động, khoa học cùng với chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên tục nhằm khai thác năng lực của từng CB-CNV.

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CB-CNV.

Thường xuyên thực hiện công tác xã hội từ thiện hỗ trợ cộng đồng trong và ngoài tỉnh.

2. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

HĐQT xác định các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2020 là hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, hoàn thành các mục tiêu nhiệm kỳ HĐQT giai đoạn 2016-2020 tốt đẹp. Định hướng chính trong năm 2020 là:

Về hoạt động sản xuất: tận dụng những lợi thế về mặt vị trí địa lý để gia tăng sản lượng thông qua như: tăng sản lượng thông qua các kho hàng, lựa chọn và liên kết với các tuyến tàu phù hợp để cải thiện mảng vận tải biển.

Về các chỉ tiêu tài chính: đảm bảo thực hiện doanh thu, lợi nhuận 2020, chi trả cổ tức như Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Về công tác quản trị: tiếp tục tăng cường quản lý tập trung các lĩnh vực chính mở rộng sang khâu Marketing; nâng cao hiệu quả điều hành của các đơn vị; cắt giảm các chi phí không phù hợp.

Về học tập và phát triển: thực hiện tốt các dự án liên quan đến kế thừa, văn hóa, đào tạo nhân lực.

Dự kiến doanh thu và lợi nhuận của PDN trong năm 2020 sẽ tiếp tục là một thách thức lớn. Để đạt được 02 chỉ tiêu quan trọng này, HĐQT sẽ phối hợp với Ban Tổng giám đốc để có các quyết sách linh hoạt, nhanh chóng bắt kịp các thay đổi của thị trường.

Kế hoạch dự kiến (*) năm 2020 như sau:

- ☛ Doanh thu: **750** tỷ đồng
- ☛ Lợi nhuận sau thuế TNDN: **144** tỷ đồng

(): Kế hoạch chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020*

Triển khai dự án trọng điểm năm 2020

Dự kiến trong năm 2020, Cảng tiến hành các thủ tục đấu thầu xây dựng thêm 01 bến tàu 30.000 DWT (bến B5), mở rộng thêm 8,0 ha bãi tại khu vực Cảng Gò Dầu, trong đó có 5,0 ha bãi thuê liền kề tiếp giáp với tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để đón đầu lượng hàng hóa cho những năm tới. Đồng thời, xây dựng bến tàu 5.000DWT và lắp đặt 2 cần cầu Liebherr sức nâng 30 tấn ở khu vực Long Bình Tân phục vụ lượng hàng hóa các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM.

Triển khai chiến lược tầm nhìn giai đoạn 2016-2020

Năm 2020 là năm cuối của nhiệm kỳ kế hoạch trung hạn 5 năm của PDN. Để hoàn tất kế hoạch này, HĐQT sẽ triển khai các công việc về đầu tư, quản trị, tổ chức bộ máy và các chủ trương quan trọng khác, chính sách thu hút cán bộ giỏi, tạo động lực để khuyến khích người lao động thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

3. TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

PDN đang áp dụng chương trình KPI toàn Công ty, vì vậy các hoạt động quản trị nội bộ sẽ tập trung vào một số mặt:

- ☛ Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết HĐQT tại các buổi họp hàng tháng của Ban Tổng giám đốc
- ☛ Thúc đẩy triển khai quản lý tập trung các lĩnh vực, quản trị rủi ro; mua sắm; cắt giảm chi phí.
- ☛ Tiếp tục hỗ trợ kiện toàn bộ máy quản lý các đơn vị chủ chốt theo hướng phân quyền phân cấp nhằm tăng hiệu quả điều hành.

Thúc đẩy việc hoàn thành các dự án xây dựng đúng tiến độ; các dự án liên quan đến quản trị doanh nghiệp.



PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT,

Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020 được ĐHĐCĐ bầu ngày 15/03/2016 gồm có 01 Chủ tịch HĐQT- là Người đại diện theo pháp luật của Công ty và 04 thành viên.

Thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành

Ngày 01/04/2019, ông Đỗ Văn Sâm - Thành viên HĐQT từ nhiệm. Tại ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019, ông Nguyễn Tiến Hùng đã được bầu bổ sung thay thế ông Đỗ Văn Sâm làm thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2016-2020. Như vậy, hiện tại HĐQT của PDN có 02 thành viên không tham gia quản lý điều hành như sau:

- Ông Phan Trọng Dũng - Thành viên HĐQT (trực tiếp sở hữu 0% cổ phiếu PDN)
- Nguyễn Tiến Hùng - Thành viên HĐQT độc lập (trực tiếp sở hữu 0% cổ phiếu PDN)

Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành

Các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành, đều là các cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong một số lĩnh vực khác nhau. Năm 2019, các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành đã tham gia đầy đủ các phiên họp; tham gia các sự kiện thường niên. HĐQT đã nhiều lần tham vấn và đóng góp nhiều ý kiến quan trọng về chiến lược phát

triển; đầu tư; tài chính, ngân hàng, quan hệ cổ đông; phối hợp tìm kiếm các đối tác; hỗ trợ đào tạo, tài liệu về quản trị doanh nghiệp.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có



ÔNG TRẦN THANH HẢI

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 08/1994 – 09/1995: Nhân viên Phòng Thiết kế - Kỹ thuật - Xí nghiệp xây lắp CN thuộc Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 09/1995 – 07/2000: Nhân viên Bộ phận phát triển hạ tầng - Cty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 07/2000 – 01/2002: Tổ trưởng Tổ Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 01/2002 – 12/2002: Phó Phòng Kinh doanh - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 01/2003 – 12/2003: Phó phòng Phụ trách Phòng Kỹ thuật - Cty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 01/2004 – 09/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Phát triển nhà Sonadezi - Công ty PT KCN Biên Hòa
 - 09/2005 – 12/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Địa ốc Sonadezi
 - 01/2006 – 05/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Sonadezi Long thành
 - 05/2007 – 07/2007: Chuyên viên Phòng Dự án - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 07/2007 – 09/2007: Tổng Giám đốc - Công ty CP PT hạ tầng Sonadezi
 - 09/2007 – 11/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Sonadezi Châu Đức
 - 12/2007 – 10/2008: Trưởng Ban Chuẩn bị Dự án kiêm Trưởng Ban Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 11/2008 – 06/2010: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
 - 07/2010 – 11/2010: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Phát triển KCN (Sonadezi)
 - 11/2010- 01/2016: TV- HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Phó Bí thư Chi bộ 2 thuộc Đảng bộ Tổng Công ty Phát triển KCN - Tổng Công ty Phát triển KCN (Sonadezi)
 - 02/2016 -15/03/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phát triển KCN
 - 15/03/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi) kiêm Chủ tịch HĐQT-người đại diện theo pháp luật CTCP Cảng Đồng Nai
- ☛ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN là 21%



ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị

- 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai.
- 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại DN Đồng Nai.
- 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai.
- 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.
- 2/2006 – 12/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Đồng Nai.
- 12/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai

☞ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai 3,75%



ÔNG HUỖNH NGỌC TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

- 06/1995 – 09/2005 nhân viên kế toán, xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai
- 10/2005 – 11/2006 nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 12/2006 – 27/04/2011 Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 28/04/2011 – 10/2011 Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 10/2011 – 12/2015 Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 12/2015 – 09/2019 Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Người đại diện công bố thông tin Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 10/2019 - nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Người đại diện công bố thông tin Công ty CP Cảng Đồng Nai

☞ Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân) là 0,02%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%



ÔNG TRẦN VĂN NGUYỄN

Thành viên Hội đồng quản trị

- Từ 1999 – 2001 Nhân viên Công ty XD GT Sài Gòn
- Từ 2001 – 2003 Nhân viên Công ty TNHH TV XD Việt Hưng
- Từ 2003 – 2010 Trưởng BQL Dự án Khu quản lý đường bộ - đường thủy Đồng Nai
- Từ 2010 – 2015 Trưởng BQL Dự án Tổng Công ty CP Phát triển KCN
- Từ 01/2016 - 04/2018 Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai
- Từ 04/2018 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

☞ Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân) là 0,02%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%



ÔNG NGUYỄN TIẾN HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- 8/2011 đến 8/2012: Chuyên viên khách hàng cá nhân - Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam
- 9/2012 đến 1/2017: Chuyên viên khách hàng thẻ nhân - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM
- 2/2017 đến nay: Chuyên viên Phòng Khách hàng bán lẻ - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai

Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 19/07/2019, số lượng cổ phần của Công ty do các thành viên HĐQT nắm giữ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP đại diện sở hữu	CP cá nhân nắm giữ	Tổng cộng	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	3.889.620	-	3.889.620	21	Đại diện pháp luật
2	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	1.852.200	3.780	1.855.980	10,02	Điều hành
3	Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT	1.852.200	-	1.852.200	10	Điều hành
4	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	693.756	-	693.756	3,74	Đại diện CP của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai
5	Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	Thành viên HĐQT độc lập

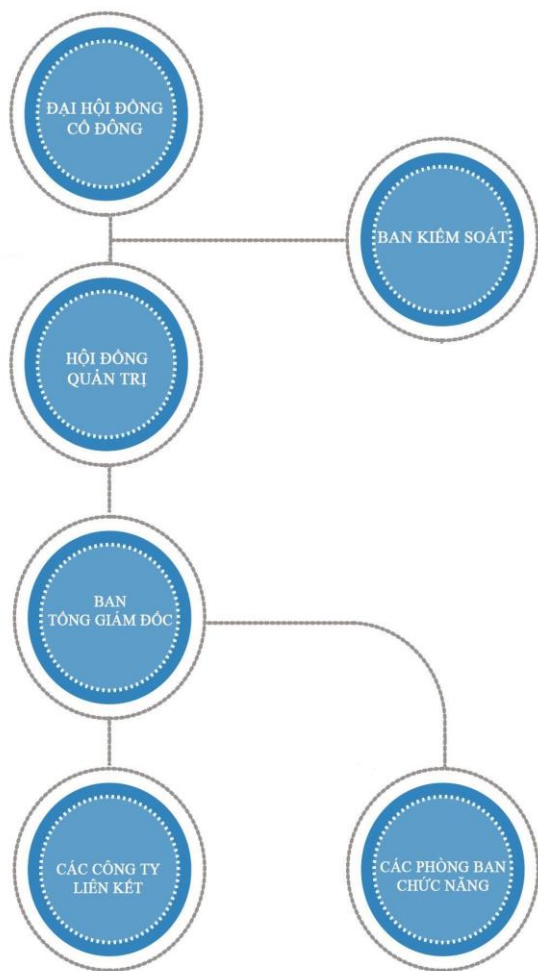
Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

STT	Họ và tên	Số lượng chức danh TV.HĐQT tại Công ty khác	Tên công ty
1	Ông Trần Thanh Hải	03	- Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp - Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang - Công ty CP Sonadezi Long Bình
2	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	01	- Công ty CP Cảng Long Thành
3	Ông Trần Văn Nguyên	01	- Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai
4	Ông Phan Trọng Dũng	01	- Công ty CP Đồng Tiến

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, trong năm 2019 HĐQT đã tổ chức **4** cuộc họp trực tiếp và **6** phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT. Ngày họp, số lượng thành viên tham dự, nội dung và các Nghị quyết của kỳ họp được công bố chi tiết trong “*Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2019*” được đăng tải trên website công ty www.dongnai-port.com mục “*Quan hệ cổ đông*” để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định được ban hành như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết HĐQT số: 06/2019/NQ- HĐQT	04/03/2019	Thống nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
2	Nghị quyết HĐQT Số: 12/2019/NQ- HĐQT	21/03/2019	- Tái bổ nhiệm Tổng giám đốc kể từ 25/3/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT (giai đoạn 2016-2020) - Gia hạn thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Văn Sâm kể từ 25/3/2019 đến 31/5/2019 - Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019
3	Quyết định HĐQT số: 13/2019/QĐ- HĐQT	21/03/2019	- Quyết toán quỹ tiền lương năm 2018
4	Quyết định HĐQT số: 14/2019/QĐ- HĐQT	21/03/2019	- Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019
5	Quyết định HĐQT số: 15/2019/QĐ- HĐQT	21/03/2019	- Quyết định tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc kể từ 25/3/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT (giai đoạn 2016-2020)
6	Quyết định HĐQT số: 16/2019/QĐ- HĐQT	21/03/2019	- Quyết định gia hạn thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Văn Sâm kể từ 25/3/2019 đến 31/5/2019



7	Nghị quyết HĐQT 29/2019/NQ- HĐQT	07/05/2019	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019
8	Nghị quyết HĐQT 34/2019/NQ- HĐQT	21/05/2019	- Thông qua phương án chi tiết nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
9	Nghị quyết HĐQT 35/2019/NQ- HĐQT	21/05/2019	- Thông qua hồ sơ tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Triển khai thực hiện phương án phát hành
10	Nghị quyết HĐQT 40/2019/NQ- HĐQT	18/06/2019	- Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2018 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
11	Nghị quyết HĐQT 46/2019/NQ- HĐQT	02/07/2019	- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B (mở rộng hệ thống kho bãi) phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai
12	Nghị quyết HĐQT 47/2019/NQ- HĐQT	02/07/2019	- Thống nhất chủ trương chọn thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn mua sắm 02 khung chụp container bán tự động
13	Nghị quyết HĐQT 57/2019/NQ- HĐQT	05/08/2019	- Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) theo quy định của pháp luật hiện hành
14	Nghị quyết HĐQT 76/2019/NQ- HĐQT	27/09/2019	- Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Huỳnh Ngọc Tuấn kể từ ngày 01/10/2019 - Bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/10/2019 đến

			<p>hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016-2020</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm bà Vũ Thị Quỳnh Trang giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 01/10/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016-2020
15	<p>Quyết định HĐQT 77/2019/NQ- HĐQT</p>	27/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/10/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016-2020
16	<p>Quyết định HĐQT 78/2019/NQ- HĐQT</p>	27/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm bà Vũ Thị Quỳnh Trang giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 01/10/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016-2020



2. BAN KIỂM SOÁT

Năm 2019, nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng ổn định ở mức khá. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ công còn cao, bội chi ngân sách còn lớn. Trong tình hình đó, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã có nhiều nỗ lực để đạt kết quả kinh doanh đáng khích lệ, thông qua việc kiểm soát rủi ro, cắt giảm chi phí, tái cơ cấu các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng, đáp ứng tối đa nhu cầu của nền kinh tế.

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát trong năm 2019 bao gồm

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện Số hữu	CP Năm giữ	Tổng Cộng	Tỷ lệ %
1	Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng BKS	1.852.200	-	1.852.200	10
2	Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Ông Trần Quốc Nam	Thành viên BKS	-	-	-	-

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát (BKS) bao gồm ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Trong năm, với sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban điều hành, BKS đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát về hoạt động kinh doanh cũng như đưa ra các

khuyến nghị nhằm tăng cường quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Công ty.

BKS đã thực hiện giám sát tình hình hoạt động PDN, tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT được tổ chức định kỳ hàng quý và đột xuất, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty do Tổng giám đốc chủ trì để nắm bắt đầy đủ thông tin liên quan đến tình hình hoạt động trong công ty để phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và những tồn tại, thiếu sót để kiến nghị HĐQT, BĐH xem xét.

Công tác thẩm định báo cáo tài chính 2019 được tiến hành hàng quý và cả năm. BKS đồng ý với Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

- ☞ Các chỉ số hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán, cấu trúc tài chính đều đạt ở mức cao.
- ☞ Kết quả lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh vượt chỉ tiêu ĐHCĐ năm 2019 đã phê duyệt.

Nhận xét và đánh giá của Ban kiểm soát

Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ và kịp thời.

Hạch toán kế toán rõ ràng; sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định.

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại Đại hội.

Các thành viên HĐQT theo sự phân công đã có sự nghiên cứu kỹ lưỡng để tham mưu cho HĐQT đưa ra các chủ trương giúp công ty đạt và vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch đã đăng ký với ĐHCĐ. Các thành

viên Ban Điều Hành đã tuân thủ nghiêm túc các quyết sách của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT giúp công ty đạt kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều khó khăn.

Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và được cung cấp tất cả các nội dung liên quan theo yêu cầu.

Việc công bố thông tin cũng như các báo cáo quản trị được lập theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm BKS ghi nhận chưa có điều gì bất thường trong các hoạt động của HĐQT, BĐH và cán bộ quản lý.

Tổng kết thù lao và chi phí cho BKS

Tại Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/04/2019, ĐHĐCĐ đã phê duyệt mức thù lao đối với HĐQT và BKS năm 2019.

Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ 2019

Trong năm 2019, BKS đã tập trung thực hiện các công tác sau:

☞ Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

☞ Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019: Đã thực hiện.

☞ Kết quả kinh doanh năm 2019: Mặc dù tình hình kinh tế chung năm 2019 có khởi sắc, nhưng ngành hàng hải còn nhiều khó khăn, tuy nhiên theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 kiểm toán, PDN đã vượt 7,8% kế hoạch doanh thu và 17,6% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2020

Trong năm 2020, BKS sẽ tiếp tục hoàn thiện các qui trình làm việc, phối hợp với Bộ phận quản lý rủi ro nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro. Các thành viên BKS, trên cơ sở được phân công, sẽ kiểm tra và đánh giá các bộ phận liên quan để đảm bảo nâng cao năng lực quản trị, khả năng xây dựng và nắm bắt cơ hội để Công ty tiếp tục phát triển bền vững.

Ngoài ra, BKS luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, dần hoàn thiện các quy trình hoạt động của Ban để phù hợp với thực tiễn cũng như các tiêu chuẩn về quản trị công ty niêm yết và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban điều hành và Ban Kiểm soát



STT	Chức vụ	Thù lao tại PDN (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	19.365.000
3	Thành viên HĐQT	13.407.000
4	Trưởng BKS	Chuyên trách
5	Thành viên BKS	8.938.000

Các khoản thu nhập khác tại doanh
nghiệp của Hội đồng quản trị,
Ban điều hành và Ban Kiểm soát



STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (đồng/tháng)	Ghi chú
1	Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	-	Đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Phát triển KCN (21%)
2	Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	70.000.000	Ban Điều Hành

3	Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	70.000.000	Ban Điều Hành
4	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	-	Đại diện phần vốn của Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai (3,75%)
5	Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên HĐQT	-	Thành viên HĐQT độc lập (ĐHĐCĐ bầu bổ sung thay thế ngày 23/4/2019)
6	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	90.000.000	Ban Điều Hành
7	Vũ Thị Quỳnh Trang	Kế toán trưởng	65.000.000	Ban Điều Hành
8	Lê Thị Bích Loan	Trưởng BKS	65.000.000	Chuyên trách
9	Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	Đại diện Quỹ Đầu tư phát triển
10	Trần Quốc Nam	Thành viên BKS	8.533.000	

Hợp đồng hoặc giao dịch
với cổ đông nội bộ



STT	Tên TV HĐQT/ TV BKS/TGD tại Công ty niêm yết	Chức vụ tại Công ty niêm yết	Tên Công ty có giao dịch	Hợp đồng giao dịch	Chức vụ tại Công ty có giao dịch
1	Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước tại Cảng Gò Dầu	Chủ tịch HĐQT
2	Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Công ty CP Cảng Long Thành	Hợp đồng sử dụng dịch vụ cảng	Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Công ty CP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Hợp đồng thuê mặt bằng bãi	Chủ tịch HĐQT
4	Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai	- Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ - Hợp đồng cho thuê thiết bị xếp dỡ	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Hợp đồng vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Giám đốc

Chính sách thù lao của Công ty

Bộ phận tiền lương khảo sát, xem xét và đề xuất với HĐQT chính sách thù lao phù hợp và cạnh tranh. Việc quyết định thù lao cho từng thành viên quản lý chủ chốt được phê chuẩn thông qua một quy trình minh bạch; không thành viên nào được tự quyết định mức lương/ thù lao của mình.

Mức thù lao, tiền lương và cơ cấu lương

Mức thù lao và tiền lương cần phải phù hợp để thu hút, giữ chân và khích lệ các thành viên quản lý chủ chốt để điều hành Công ty thành công. Một phần của tiền lương sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của toàn Công ty và của từng cá nhân.

Khi đề ra mức thù lao và tiền lương, Công ty luôn xem xét các yếu tố về tiền lương và việc làm trong cùng ngành, so sánh với các công ty tương đương về quy mô, phạm vi hoạt động, căn cứ vào kết quả hoạt động của Công ty nói chung và của từng cá nhân nói riêng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Không có thực hiện giao dịch trong năm 2019

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Tỷ lệ cổ đông sở hữu (ngày chốt danh sách 19/07/2019)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	13.196.220	71,25	2	2	
	- Trong nước	13.196.220	71,25	2	2	
	- Nước ngoài					
4	Công đoàn Công ty	7.705	0,04	1	1	
	- Trong nước	7.705	0,04	1	1	
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	5.318.029	28,71	340	19	321
	- Trong nước	5.263.588	28,42	317	12	305
	- Nước ngoài	54.441	0,29	23	7	16
TỔNG CỘNG		18.521.954	100,00	343	22	321
Trong đó: - Trong nước		18.467.513	99,71	320	15	305
- Nước ngoài		54.441	0,29	23	7	16

Cơ cấu cổ đông (ngày chốt danh sách 19/07/2019)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	13.196.220	71,25	2	2	
	- Trong nước	13.196.220	71,25	2	2	
	- Nước ngoài					
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	41.285	0,22	10	10	
	- Trong nước	2.285	0,01	4	4	
	- Nước ngoài	39.000	0,21	6	6	
TỔNG CỘNG		13.237.505	71,47	12	12	



NHÂN SỰ NGUỒN LỰC SỐ 1 CỦA PDN

30 năm qua, từng trang lịch sử PDN đều ghi dấu ấn đậm nét của đội ngũ lãnh đạo và CB - CNV, những người đã và đang nỗ lực mỗi ngày để đóng góp thiết thực vào từng bước đi lên của Cảng. Có thể nói, PDN hôm nay là thành quả được nuôi dưỡng bằng tâm sức của nhiều thế hệ.

PHẦN VI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
NĂM 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 33

Handwritten red text on the right margin, possibly a signature or stamp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2019)
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Trần Quốc Nam	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2019)
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

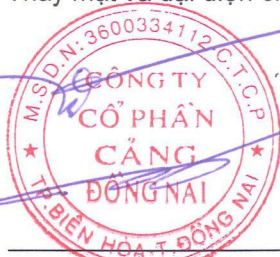
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Số: 20.104/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

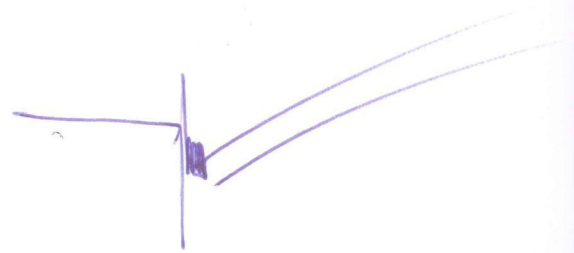
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		301.482.630.909	233.877.505.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	214.800.418.767	148.579.129.614
1. Tiền	111		72.982.400.600	107.559.525.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		141.818.018.167	41.019.604.208
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.443.854.959	83.333.982.943
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	84.608.828.458	77.308.436.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.575.500.582	6.912.894.467
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		714.061.752	1.338.165.132
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.454.535.833)	(2.225.513.107)
III. Hàng tồn kho	140		658.843.747	359.531.751
1. Hàng tồn kho	141		658.843.747	359.531.751
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		579.513.436	1.604.861.688
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.3	503.897.036	518.181.028
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.616.400	86.680.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	-	1.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		633.413.592.418	612.839.533.561
I. Tài sản cố định	220		390.287.637.114	391.258.129.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	385.602.599.608	386.438.612.074
Nguyên giá	222		728.096.242.797	681.457.306.091
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(342.493.643.189)	(295.018.694.017)
2. Tài sản cố định vô hình	227		4.685.037.506	4.819.517.064
Nguyên giá	228		6.792.674.168	6.299.224.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.107.636.662)	(1.479.707.104)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		169.541.010.046	147.466.895.007
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.5	169.541.010.046	147.466.895.007
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.6	22.165.000.000	22.165.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		51.419.945.258	51.949.509.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.3	51.419.945.258	51.949.509.416
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		934.896.223.327	846.717.039.557

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		373.148.034.978	376.863.703.626
I. Nợ ngắn hạn	310		220.059.981.145	192.357.449.793
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	90.978.646.559	72.764.336.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		292.496.002	99.034.806
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	5.298.286.688	3.707.879.737
4. Phải trả người lao động	314	4.9	20.155.380.000	18.065.991.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.345.454.854	1.627.910.448
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.973.695.572	2.005.683.507
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	1.990.622.420	1.811.770.904
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	68.361.152.958	71.720.892.573
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.12	11.730.000.000	10.710.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	15.934.246.092	9.843.949.819
II. Nợ dài hạn	330		153.088.053.833	184.506.253.833
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.10	23.201.590.222	23.201.590.222
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	129.886.463.611	161.304.663.611
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		561.748.188.349	469.853.335.931
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	561.748.188.349	469.853.335.931
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.219.540.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.219.540.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		192.035.741.508	169.186.355.738
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	7.752.120.803
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.058.100.296	95.000.182.845
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		28.113.109.345	17.809.643.323
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.944.990.951	77.190.539.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		934.896.223.327	846.717.039.557



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	741.538.252.149	666.518.232.116
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		741.538.252.149	666.518.232.116
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	511.019.097.547	466.424.614.575
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		230.519.154.602	200.093.617.541
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.001.040.273	3.929.211.373
6. Chi phí tài chính	22	5.4	19.719.125.354	21.107.228.308
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.710.482.931</i>	<i>21.069.906.458</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	20.020.904.391	14.698.977.180
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	46.044.975.743	44.389.459.042
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.735.189.387	123.827.164.384
10. Thu nhập khác	31		968.881.668	505.570.809
11. Chi phí khác	32		9.766.600	225.336.022
12. Lợi nhuận khác	40		959.115.068	280.234.787
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		151.694.304.455	124.107.399.171
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	15.119.319.537	12.361.930.649
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		136.574.984.918	111.745.468.522
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6.456	5.288
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		6.456	5.288



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		151.694.304.455	124.107.399.171
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	52.094.852.571	48.833.791.522
Các khoản dự phòng	03		229.022.726	166.094.038
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.874.584	(54.541.966)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.409.277.235)	(3.865.104.382)
Chi phí lãi vay	06	5.4	19.710.482.931	21.069.906.458
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		217.323.260.032	190.257.544.841
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.645.703.087)	(19.407.075.469)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(299.311.996)	120.722.515
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.930.396.777	35.319.789.075
Tăng giảm chi phí trả trước	12		543.848.150	(25.059.843.332)
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.858.902.191)	(21.097.531.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(12.121.103.530)	(10.817.957.881)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		16.680.000	24.050.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.792.269.808)	(5.551.506.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		199.096.894.347	143.788.191.428
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(73.417.760.000)	(70.483.005.264)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		418.072.727	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.309.077.113	3.617.778.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.690.610.160)	(66.865.226.829)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	215.533.212.531	266.236.330.557
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(250.311.152.146)	(323.641.543.970)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.403.180.835)	(48.817.190.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(66.181.120.450)	(106.222.403.793)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		66.225.163.737	(29.299.439.194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	148.579.129.614	177.824.026.842
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.874.584)	54.541.966
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	214.800.418.767	148.579.129.614



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 08 năm 2019 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 185.219.540.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	94.462.200.000	51,00	62.974.800.000	51,00
Tổng Công ty Cổ phần Thiết Bị điện Việt Nam	Việt Nam	37.500.000.000	20,25	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	8.157.250.000	4,40	5.535.700.000	4,48
Quý Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	6.937.560.000	3,75	4.625.040.000	3,75
Các cổ đông khác		38.162.530.000	20,60	50.344.330.000	40,77
Cộng		185.219.540.000	100,00	123.479.870.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 268 (31 tháng 12 năm 2018: 267).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 40 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 năm |

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 02 cầu Liebherr.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí mua bảo hiểm và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ trong vòng 1 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng,....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (cảng biển) trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2009. Chính sách thuế ưu đãi áp dụng đối với Công ty đã được cơ quan thuế chấp nhận trong các biên bản quyết toán thuế gần đây.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu ngoài nước: 0%
- Thu tiền nước: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	466.273.176	875.416.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.516.127.424	106.684.108.549
Các khoản tương đương tiền	141.818.018.167	41.019.604.208
Cộng	214.800.418.767	148.579.129.614

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 5%- 5,5%/ năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép	16.749.367.000	18.152.135.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải (TCTT)	12.632.207.500	3.233.100.000
Maersk Line A/S	8.949.908.200	2.620.407.800
Các khách hàng khác	46.277.345.758	53.302.793.651
Cộng	84.608.828.458	77.308.436.451

4.3. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí mua bảo hiểm	471.345.200	513.791.976
Các khoản khác	32.551.836	4.389.052
Cộng	503.897.036	518.181.028
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước	42.400.783.710	42.644.943.777
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cán trừ vào tiền thuê đất	9.004.608.428	9.300.147.260
Các khoản khác	14.553.120	4.418.379
Cộng	51.419.945.258	51.949.509.416

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	514.018.072.686	95.847.661.919	57.654.866.625	7.014.565.828	6.922.139.033	681.457.306.091
Mua trong năm	-	84.525.000	4.150.269.449	592.815.818	245.236.952	5.072.847.219
Đầu tư XDCB hoàn thành	44.049.817.324	37.642.081	506.809.752 (3.739.973.841)	-	963.794.171 (252.000.000)	45.558.063.328 (3.991.973.841)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	558.067.890.010	95.969.829.000	58.571.971.985	7.607.381.646	7.879.170.156	728.096.242.797
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	210.623.974.362	38.362.168.353	36.510.799.649	4.966.081.351	4.555.670.302	295.018.694.017
Khấu hao trong năm	33.714.741.364	9.981.421.156	5.637.177.233 (3.739.973.841)	875.145.151	1.258.438.109 (252.000.000)	51.466.923.013 (3.991.973.841)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	244.338.715.726	48.343.589.509	38.408.003.041	5.841.226.502	5.562.108.411	342.493.643.189
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	303.394.098.324	57.485.493.566	21.144.066.976	2.048.484.477	2.366.468.731	386.438.612.074
Tại ngày 31/12/2019	313.729.174.284	47.626.239.491	20.163.968.944	1.766.155.144	2.317.061.745	385.602.599.608

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 298.506.714.533 VND – Xem thêm mục 4.11 Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.622.433.626 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	73.189.082.000	61.636.872.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	56.015.598.425	45.365.283.425
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	38.054.453.800	38.054.453.800
Các dự án khác	2.281.875.821	2.410.285.782
Cộng	169.541.010.046	147.466.895.007

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:		Dự phòng		Dự phòng
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	(*)	1.665.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	(*)	13.500.000.000	(*)
Cộng	15.165.000.000	-	15.165.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019
VND

Tại ngày 01/01/2019
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	7.000.000.000	12.390.000.000	-	7.000.000.000	(*)	-

Đầu tư vào đơn vị khác:

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán là SZC. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này là 12.390.000.000 VND tương đương với 17.700 VND/ cổ phiếu.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	18.520.519.978	18.520.519.978	10.409.027.258	10.409.027.258
Phải trả cho người bán				
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải HPS Marine	35.303.404.000	35.303.404.000	27.706.202.000	27.706.202.000
Phải trả cho các đối tượng khác	37.154.722.581	37.154.722.581	34.649.107.741	34.649.107.741
Cộng	90.978.646.559	90.978.646.559	72.764.336.999	72.764.336.999

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	24.000.233.361	23.000.233.361	1.000.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.669.836.587	15.119.319.537	12.121.103.530	-	1.671.620.580
Thuế thu nhập cá nhân	-	572.381.851	3.793.015.158	3.883.067.420	-	662.434.113
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	56.068.250	2.874.116.589	2.818.048.339	-	-
Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	-	37.198.625	1.411.023.669	-	1.373.825.044
Cộng	-	5.298.286.688	45.823.883.270	43.233.476.319	1.000.000.000	3.707.879.737

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn lại của quỹ lương năm 2019 phải trả cho cán bộ, công nhân viên.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	101.364.505	634.577.840
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.889.257.915	1.177.193.064
Cộng	1.990.622.420	1.811.770.904
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.670.957.325	6.670.957.325
Cộng	23.201.590.222	23.201.590.222

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn	68.361.152.958	68.361.152.958	246.951.412.531	250.311.152.146	71.720.892.573	71.720.892.573
Vay dài hạn	129.886.463.611	129.886.463.611	-	31.418.200.000	161.304.663.611	161.304.663.611
Cộng	198.247.616.569	198.247.616.569	246.951.412.531	281.729.352.146	233.025.556.184	233.025.556.184

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
		VND	VND
VND	6,2%/năm	36.942.952.958	21.475.012.692
		-	18.405.079.881

Vay dài hạn đến hạn trả:

Quý Đầu Tư Phát Triển
 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
		VND	VND
VND	7%/năm	11.112.000.000	11.112.000.000
VND	8,8%/năm	5.402.200.000	5.824.800.000
VND	8,9-9,5%/năm	14.904.000.000	14.904.000.000

Cộng**68.361.152.958** **71.720.892.573**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Khoản vay dài hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	
			31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ Đầu Tư Phát Triển	VND	7%/năm	39.428.109.247	50.540.109.247 (b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,8%/năm	2.349.047.961	7.751.247.961 (c)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,9-9,5%/năm	88.109.306.403	103.013.306.403 (d)
Cộng			129.886.463.611	161.304.663.611

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Bền tàu 30.000 DWT;
 - 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014);
- (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
 - Chấn đế trụ cầu thuộc công trình bến sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân;
 - 01 cầu bờ có định 40T/30M-Macgregor GL4030-2;
 - (Theo hợp đồng thế chấp số 21/14/VCB.BH)
 - Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m² (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13);
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đồ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017).

Giá trị còn lại của tài sản hữu hình dùng cầm cố thế chấp cho các khoản vay là 298.506.714.533 VND – xem thêm mục 4.4.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Dự phòng phải trả

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương.

4.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2019	9.843.949.819
Trích trong kỳ	13.810.165.000
Tăng khác	16.680.000
Chi trong kỳ	7.736.548.727
Tại ngày 31/12/2019	<u>15.934.246.092</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2018	123.479.870.000	74.434.806.545	146.979.413.629	7.752.120.803	64.518.721.432	417.164.932.409	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	111.745.468.522	111.745.468.522	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	22.206.942.109	-	(22.206.942.109)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.414.191.000)	(8.414.191.000)	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(764.926.000)	(764.926.000)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(486.000.000)	(486.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.391.948.000)	(49.391.948.000)	
Tại ngày 01/01/2019	123.479.870.000	74.434.806.545	169.186.355.738	7.752.120.803	95.000.182.845	469.853.335.931	
Tăng vốn trong năm nay	61.739.670.000	-	(53.987.549.197)	(7.752.120.803)	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	136.574.984.918	136.574.984.918	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	76.836.934.967	-	(76.836.934.967)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(12.213.818.000)	(12.213.818.000)	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(1.110.347.000)	(1.110.347.000)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(486.000.000)	(486.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.869.967.500)	(30.869.967.500)	
Tại ngày 31/12/2019	185.219.540.000	74.434.806.545	192.035.741.508	-	110.058.100.296	561.748.188.349	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)	94.462.200.000	62.974.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	90.757.340.000	60.505.070.000
Cộng	185.219.540.000	123.479.870.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Ngày 24 tháng 07 năm 2019, Công ty đã phát hành thêm 6.173.967 cổ phần phổ thông từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ từ 123.479.870.000 VND lên 185.219.540.000 VND.

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	18.521.954	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	18.521.954	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.521.954	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	136.574.984.918	111.745.468.522
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(16.993.798.190)	(13.810.165.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	119.581.186.728	97.935.303.522
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	18.521.954	18.521.954
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.456	5.288

4.14.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	136.574.984.918	111.745.468.522
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(16.993.798.190)	(13.810.165.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	119.581.186.728	97.935.303.522
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.521.954	18.521.954
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.456	5.288

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.7. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên vào ngày 23 tháng 04 năm 2019 thì tỷ lệ chia cổ tức là 35% trên vốn điều lệ.

4.14.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2019	169.186.355.738	7.752.120.803
Trích trong năm	76.836.934.967	-
Giảm trong năm	53.987.549.197	7.752.120.803
Tại ngày 31/12/2019	192.035.741.508	-

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	83.782,56	150.675,92

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu

Là doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan là 2.405.725.822 VND– Xem thêm mục 8.

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.468.900.000	1.366.482.500
Lãi tiền gửi	3.522.304.508	2.498.621.882
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.835.765	9.565.025
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	54.541.966
Cộng	6.001.040.273	3.929.211.373

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	19.710.482.931	21.069.906.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.767.839	37.321.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.874.584	-
Cộng	19.719.125.354	21.107.228.308

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí hoa hồng, môi giới	10.585.070.579	7.829.923.440
Chi phí nhân viên	3.609.785.315	3.422.339.295
Chi phí bằng tiền khác	5.826.048.497	3.446.714.445
Cộng	20.020.904.391	14.698.977.180

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.417.596.548	20.086.664.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.832.030.611	2.914.421.634
Thuế, phí, lệ phí	3.026.726.297	3.684.216.721
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	229.022.726	166.094.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.452.471.444	1.396.102.346
Các khoản chi phí quản lý khác	16.087.128.117	16.141.959.449
Cộng	46.044.975.743	44.389.459.042

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.019.621.655	9.402.760.423
Chi phí nhân công	83.945.249.015	77.037.145.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.094.852.571	48.833.791.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	383.812.868.873	349.960.582.709
Chi phí khác bằng tiền	47.983.362.841	40.112.676.454
Chi phí dự phòng	229.022.726	166.094.038
Cộng	577.084.977.681	525.513.050.797

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	151.694.304.455	124.107.399.171
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.008.675.840	543.599.305
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (thu nhập được miễn thuế)	(2.468.900.000)	(1.366.482.500)
Thu nhập tính thuế	150.234.080.295	123.284.515.976
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	149.274.965.227	122.949.725.464
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông</i>	959.115.068	334.790.512
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	14.927.496.523	12.294.972.547
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	191.823.014	66.958.102
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.119.319.537	12.361.930.649

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	215.533.212.531	266.236.330.557

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	250.311.152.146	323.641.543.970

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển và báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(10.019.179.000)	(5.853.261.179)
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	(5.245.708.903)	(4.339.759.579)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(3.045.018.280)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(182.750.820)	(128.886.240)
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	(15.548.500)	(12.100.000)
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	(12.314.475)	(23.204.130)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	(36.416.130)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	(15.400.000)
Cộng – Xem thêm mục 4.7	<u>(18.520.519.978)</u>	<u>(10.409.027.258)</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	550.332.921	557.893.427
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	552.082.623	632.391.963
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	1.300.041.518	1.273.173.977
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	3.268.760	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	<u>2.405.725.822</u>	<u>2.463.459.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua dịch vụ và xây dựng cơ bản:		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	60.640.869.191	44.985.361.399
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	44.192.177.092	39.184.603.678
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	6.848.065.259	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.959.993.600	1.944.774.600
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	471.076.220	316.804.400
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	415.742.130	414.341.140
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	93.145.000	68.260.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	14.000.000
Cộng	114.621.068.492	86.928.145.217

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	4.746.805.000	3.983.518.000

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	1.346.280.000	1.083.035.000

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2019 VND	2018 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.764.749.107	3.412.535.493

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	2.824.980.690	3.393.418.690
Trên 1 năm đến 5 năm	11.299.922.760	13.573.674.760
Trên 5 năm	89.651.957.303	94.317.283.505
Cộng	103.776.860.753	111.284.376.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**11. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2019 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí trả trước dài hạn	51.949.509.416	51.220.378.008
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.707.879.737	2.261.584.346
Phải trả ngắn hạn khác	1.811.770.904	3.185.153.154
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	95.000.182.845	94.343.964.578

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2018 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	466.424.614.575	467.153.745.983
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.361.930.649	12.289.017.508
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.288	7.885
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.288	7.885

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do điều chỉnh theo thông báo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Kiểm toán nhà nước ngày 12 tháng 11 năm 2019. Riêng chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được báo cáo lại ngoài lý do trên còn do sự thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 và việc Công ty phát hành cổ phiếu thường làm tăng số cổ phần lưu hành bình quân trong năm.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập